

**PETROVIETNAM POWER NHON
TRACH 2 JOINT STOCK COMPANY**

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness

No.: /CPNT2-TCKT

Nhon Trach, July , 2025

*“Re: Submission of the Financial Statements of the 2nd
quarter of 2025 with the explanation of differences in
business performance”.*

**DISCLOSURES ON THE PORTAL OF THE STATE SECURITIES
COMMISSION OF VIETNAM**

To:

- State Securities Commission of Vietnam
- Vietnam Exchange
- Ho Chi Minh Stock Exchange

1. Company name: PetroVietnam Power Nhon Trach 2 Joint Stock Company
 - Ticker symbol: NT2
 - Head office address: PetroVietnam Power Center, Phuoc Khanh Commune, Nhon Trach District, Dong Nai
 - Telephone : 0251. 2225.893 Fax: 0251. 2225.897
2. Type of disclosure: Periodic
3. Disclosures: PetroVietnam Power Nhon Trach 2 Joint Stock Company (NT2) discloses information on the Financial Statements for the 2nd Quarter of 2025 and explains the differences in some items of business performance compared to the same period in 2024 as follows:

Unit: VND billion

Item	2 nd Quarter of 2025	2 nd Quarter of 2024	Difference	
			Amount	Amount
Revenue, other income	2,119.6	2,206.0	(86.4)	(3.9)%
Total expenses	1,754.8	2,083.8	(329.0)	(15.8)%
Profit before corporate income tax	364.7	122.2	242.5	198.5%
Profit after corporate income tax	326.2	122.2	204.0	167.0%

Profit before tax and profit after tax of the 2nd Quarter of 2025 increased by VND 242.5 billion and VND 204 billion, respectively, equivalent to 198.5% and 167% compared to the 2nd quarter of 2024, mainly due to fluctuations in the following items:

- Gross profit from electricity production in the 2nd Quarter of 2025 increased by VND 237 billion (equivalent to 183%) compared to the 2nd quarter of 2024. Revenue from electricity production decreased by VND 104.8 billion (equivalent to 4.8%), cost of goods sold decreased by VND 341.8 billion (equivalent to 16.6%) compared to the 2nd quarter of 2024, revenue and cost of goods sold increased, but revenue from electricity production decreased less than cost of goods sold, resulting in an increase in gross profit from electricity production in the 2nd Quarter of 2025 compared to the same period of 2024.
- Profit from financing activities in the 2nd Quarter of 2025 increased by VND 9.1 billion compared to the 2nd Quarter of 2025.
- General and administrative expenses in the 2nd quarter of 2025 increased by VND 3 billion (equivalent to 16.4%) compared to the 2nd quarter of 2024.
- Profit from other activities in the 2nd quarter of 2025 increased by VND 0.6 billion compared to the 2nd quarter of 2024.

We are pleased to explain to you the fluctuations in business performance in the 2nd quarter of 2025 with as stated above and ensure that the above disclosures are true and correct.

4. Such information is published on the website of PetroVietnam Power Nhon Trach 2 Joint Stock Company on July 18, 2025 at: <http://www.pvpnt2.vn/quan-he-co-dong/cong-bo-thong-tin>.

We hereby undertake that the above disclosures are true and are fully responsible before the law for the content of the disclosures.

Sincerely./.

Recipients:

- As stated above;
- Board of Directors;
- Board of Management;
- Board of Supervisors;
- Archives; Finance - Accounting Department.

Attachment

- Financial Statements of the 2nd Quarter of 2025.



**PERSON IN CHARGE OF
DISCLOSURE**



Nguyen Van Quyen

Số văn bản: 834/CPNT2-TCKT

Ngày ban hành: 18/07/2025

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ 2 NĂM 2025

(Cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30/06/2025)



Số văn bản: 834/CPNT2-TCKT

Ngày ban hành: 18/07/2025

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Ấp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch

Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	2 - 3
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	4
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	5 - 6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 26

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC ĐẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Ấp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch

Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2025**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

Mẫu B 01a-DN(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025	01/01/2025
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		7.218.734.377.944	5.773.811.804.064
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	20.754.271.604	56.958.238.240
1. Tiền	111		20.754.271.604	6.958.238.240
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	50.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	3.433.490.790.416	2.273.490.790.416
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		3.433.490.790.416	2.273.490.790.416
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.393.914.309.986	2.988.656.591.746
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	3.305.239.301.163	2.933.275.806.587
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		236.250.000	-
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	112.754.585.076	79.696.611.412
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(24.315.826.253)	(24.315.826.253)
IV. Hàng tồn kho	140	9	345.314.071.396	332.599.835.856
1. Hàng tồn kho	141		345.314.071.396	332.599.835.856
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		25.260.934.542	122.106.347.806
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	11.070.028.985	4.749.424.813
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		14.190.905.557	117.356.922.993
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.495.875.032.993	2.924.035.246.214
I. Tài sản cố định	220		1.102.695.027.249	1.441.668.582.940
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	1.080.744.787.667	1.419.617.676.690
- Nguyên giá	222		11.337.107.038.573	11.332.539.745.648
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.256.362.250.906)	(9.912.922.068.958)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	21.950.239.582	22.050.906.250
- Nguyên giá	228		31.602.900.921	31.602.900.921
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(9.652.661.339)	(9.551.994.671)
II. Tài sản dài hạn khác	260		393.180.005.744	1.482.366.663.274
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	393.180.005.744	1.482.366.663.274
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		8.714.609.410.937	8.697.847.050.278

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Ấp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch

Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2025**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

Mẫu B 01a-DN(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025	01/01/2025
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		4.420.768.373.144	4.508.766.939.857
I. Nợ ngắn hạn	310		4.420.768.373.144	4.508.766.939.857
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	1.256.765.856.028	2.252.855.930.357
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	53.604.798.206	23.443.418.143
3. Phải trả người lao động	314		6.812.439.282	20.967.804.184
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	1.039.754.221.938	1.153.671.392.026
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	49.375.572.284	49.029.932.349
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	1.987.840.266.564	996.392.854.961
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		26.615.218.842	12.405.607.837
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		4.293.841.037.793	4.189.080.110.421
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	4.293.841.037.793	4.189.080.110.421
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.878.760.290.000	2.878.760.290.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.878.760.290.000	2.878.760.290.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(457.500.000)	(457.500.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		226.065.784.162	226.065.784.162
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.189.472.463.631	1.084.711.536.259
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		826.260.713.059	1.001.817.575.869
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		363.211.750.572	82.893.960.390
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		8.714.609.410.937	8.697.847.050.278
(440 = 300 + 400)				

Lê Văn Tú
Người lập biểu

Lê Việt An
Kế toán trưởng

Ngô Đức Nhân
Giám đốc
Ngày tháng 07 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Quý 2 năm 2025

Mẫu số B 02a-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối Quý 2	
			Năm 2025	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2024
1. Doanh thu bán hàng	01		2.081.257.647.143	2.186.073.466.321	3.507.963.285.976	2.447.980.400.926
2. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01)	10	20	2.081.257.647.143	2.186.073.466.321	3.507.963.285.976	2.447.980.400.926
3. Giá vốn hàng bán	11		1.714.711.187.300	2.056.559.188.727	3.096.780.725.036	2.543.856.464.540
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20=10-11)	20		366.546.459.843	129.514.277.594	411.182.560.940	(95.876.063.614)
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	37.995.995.807	19.201.800.447	69.337.885.422	38.570.025.125
6. Chi phí tài chính	22	23	18.381.311.911	8.691.510.915	32.049.760.023	16.581.543.114
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		18.153.618.313	8.655.508.250	30.537.517.819	13.783.192.874
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	21.437.005.957	18.408.965.938	40.123.686.972	33.139.792.719
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-26)	30		364.724.137.782	121.615.601.188	408.346.999.367	(107.027.374.322)
9. Thu nhập khác	31	25	316.786.630	729.158.457	683.908.824	71.348.527.572
10. Chi phí khác	32		304.302.455	159.559.689	720.326.853	294.835.982
11. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		12.484.175	569.598.768	(36.418.029)	71.053.691.590
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		364.736.621.957	122.185.199.956	408.310.581.338	(35.973.682.732)
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	26	38.489.014.564	-	45.098.830.766	-
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		326.247.607.393	122.185.199.956	363.211.750.572	(35.973.682.732)
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	1.109	424	1.213	(125)

Lê Văn Tú
Người lập biểu

Lê Việt An
Kế toán trưởng

Ngô Đức Nhân
Giám đốc
Ngày tháng 07 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC ĐẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch

Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Mẫu số B 03a-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
4			
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	408.310.581.338	(35.973.682.732)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	343.536.248.614	343.482.999.172
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại	04	-	(81.965.737)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(68.906.034.303)	(36.786.335.204)
Chi phí lãi vay	06	30.537.517.819	13.783.192.874
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	713.478.313.468	284.424.208.373
Thay đổi các khoản phải thu	09	(268.374.635.083)	(825.328.795.220)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(12.714.235.540)	(72.076.879.152)
Thay đổi các khoản phải trả	11	(1.127.830.800.242)	1.570.327.740.794
Thay đổi chi phí trả trước	12	1.082.866.053.358	(937.347.652.117)
Tiền lãi vay đã trả	14	(26.984.507.220)	(11.804.148.042)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(14.862.579.743)	(13.894.749.731)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(13.935.788.993)	(17.215.470.572)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	331.641.820.005	(22.915.745.667)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(4.415.590.258)	(1.171.041.000)
2. Tiền chi đầu tư ngắn hạn	23	(2.433.000.000.000)	(2.016.950.000.000)
3. Tiền thu hồi khoản đầu tư ngắn hạn	24	1.273.000.000.000	2.099.900.000.000
4. Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	35.188.968.582	69.127.591.201
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.129.226.621.676)	150.906.550.201
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	1.987.840.266.564	1.383.608.071.821
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(996.392.854.961)	(1.275.665.117.046)
3. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(230.066.576.568)	(201.375.518.565)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	761.380.835.035	(93.432.563.790)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	(36.203.966.636)	34.558.240.744
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	56.958.238.240	1.152.868.962
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60)	70	20.754.271.604	35.711.109.706

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Ấp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch

Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2025

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Thu lãi tiền gửi trong kỳ không bao gồm số tiền 69.480.827.105 đồng (6 tháng đầu năm 2024: 18.509.347.970 đồng) là số tiền lãi dự thu phát sinh trong kỳ mà chưa được nhận. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.

Tiền lãi vay đã trả trong kỳ không bao gồm số tiền 6.381.395.750 đồng (6 tháng đầu năm 2024: 2.768.085.928 đồng) là số tiền lãi phải trả mà chưa thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi của các khoản phải trả.

Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu trong kỳ không bao gồm số tiền 9.249.070.716 đồng (6 tháng đầu năm 2024: 9.088.013.749 đồng) là số cổ tức, lợi nhuận chưa thanh toán hết cho cổ đông. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Lê Văn Tú
Người lập biểu

Lê Việt An
Kế toán trưởng

Ngô Đức Nhân
Giám đốc
Ngày tháng 07 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000396 ngày 20 tháng 6 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp và giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp gần nhất ngày 20 tháng 06 năm 2025.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo thông báo số 614/TB-SGDHCM vào ngày 03 tháng 6 năm 2015 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là NT2.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 168 người (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 168 người).

Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Vận tải hàng hóa đường bộ;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; cho thuê, điều hành quản lý nhà và đất ở; cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất không để ở.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty trong năm là quản lý, vận hành Nhà máy nhiệt điện Nhơn Trạch 2 tọa lạc tại Ấp 3, Xã Đại Phước, Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay các khoản phải trả người bán, phải trả khác, và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị tại thời điểm báo cáo.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập từ lãi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và các chi phí liên quan trực tiếp phát sinh, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Số năm

Nhà xưởng, vật kiến trúc	05 – 20
Máy móc, thiết bị	05 – 14
Phương tiện vận tải	06 – 10
Thiết bị văn phòng	03 – 06

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm. Quyền sử dụng đất không có thời hạn được trình bày theo nguyên giá và không tính khấu hao. Các tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh toàn bộ trị giá tài sản cố định đang mua sắm, chi phí đầu tư xây dựng cơ bản, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định dở dang hoặc đã hoàn thành chưa bàn giao hoặc chưa đưa vào sử dụng. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản trả trước bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn.

Chi phí trả trước ngắn hạn thể hiện các khoản phí bảo hiểm nhà máy, bảo hiểm con người và chi phí trả trước khác có thời hạn phân bổ trong vòng một năm.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các khoản chi phí nhiên liệu khí vận hành nhà máy điện Nhơn Trạch 2 trả trước; phí thanh toán lần đầu Hợp đồng bảo trì, sửa chữa dài hạn thiết bị chính Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 giai đoạn 100.000 EOH tiếp theo; chi phí đại tu Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 chờ phân bổ; chi phí thuê đất dự án Nhà máy điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 12. Các khoản trả trước dài hạn này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng hai đến ba năm theo các quy định hiện hành.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ và chứng từ kế toán nhưng đã được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán điện được ghi nhận hàng tháng theo sản lượng điện sản xuất phát lên lưới điện quốc gia có sự xác nhận hàng tháng của Công ty Mua Bán Điện (EPTC) theo giá bán điện được quy định tại Hợp đồng mua bán điện số 07/2012/HĐ-NMĐ-NT2 được ký vào ngày 06 tháng 7 năm 2012; Hợp đồng cung cấp dịch vụ phụ trợ Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 số 01/2023/DVPT/NT2-EVN ký ngày 10 tháng 9 năm 2023 và các Hợp đồng sửa đổi bổ sung. Số liệu doanh thu bán điện này được thông báo trước cho Công ty Mua Bán Điện (EPTC) và các khoản chênh lệch phát sinh sẽ được ghi nhận vào kỳ kế toán hiện hành khi Công ty xác định doanh thu chính xác dựa trên chi phí biến đổi tại ngày phát hành hóa đơn.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC ĐẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Ấp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch

Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Phân phối quỹ và phân chia cổ tức

Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Ban điều hành; Quỹ đầu tư và phát triển và khoản chia cổ tức cho các Cổ đông được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của Công ty theo Điều lệ và đề xuất của Hội đồng Quản trị của Công ty và được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt.

Tạm ứng cổ tức trong năm được Hội đồng quản trị quyết định chi trả cho cổ đông dựa trên (i) tình hình sản xuất - kinh doanh hiện tại và kết quả kinh doanh dự kiến trong năm tới, (ii) mức cổ tức dự kiến của từng năm đã được Đại hội đồng Cổ đông thường niên thông qua và (iii) đảm bảo tuân thủ Điều lệ của Công ty và các quy định pháp lý của Việt Nam cũng như cân đối được nguồn tiền chi trả và các nghĩa vụ tài chính khác sau khi tạm ứng cổ tức.

Số liệu sau cùng liên quan đến việc phân phối các quỹ và chia cổ tức nêu trên từ lợi nhuận sau thuế hàng năm sẽ được các cổ đông phê duyệt trong Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

Chi phí đi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “chi phí đi vay”.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập tính thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Ấp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch

Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09a-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	255.609.398	125.289.733
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	20.498.662.206	6.832.948.507
Các khoản tương đương tiền	-	50.000.000.000
Tổng cộng	20.754.271.604	56.958.238.240

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	3.433.490.790.416	2.273.490.790.416
Tổng cộng	3.433.490.790.416	2.273.490.790.416

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn có số dư tại ngày 30/06/2025 thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có thời hạn trên 03 tháng và dưới 01 năm tại các ngân hàng thương mại và hưởng mức lãi suất từ 4,2%/năm đến 5,6%/năm.

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn tại ngày 30/06/2025 bao gồm số dư khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng với mức lãi suất 4,2%/năm tại Ngân hàng TNHH Một thành viên Việt Nam Hiện Đại với giá trị là 490.790.416 đồng đang tạm dừng giao dịch. Ban Giám đốc đánh giá khoản tiền này sẽ được giao dịch trở lại trong tương lai khi có những quy định cụ thể của Ngân hàng Nhà nước.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Công ty Mua bán Điện (EPTC)	3.305.221.255.834	2.933.258.613.166
Các khoản phải thu khách hàng khác	18.045.329	17.193.421
Tổng cộng	3.305.239.301.163	2.933.275.806.587

Các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng chủ yếu là khoản tiền điện phải thu Công ty Mua Bán Điện ("EPTC") tính đến thời điểm 30 tháng 06 năm 2025 được xác định theo giá bán điện chính thức được quy định tại Hợp đồng mua bán điện số 07/2012/HĐ-NMĐ-NT2 ("Hợp đồng mua bán điện 07") được ký vào ngày 06 tháng 7 năm 2012; Hợp đồng cung cấp dịch vụ phụ trợ số 01/2023/DVPT/NT2-EVN ký ngày 10 tháng 9 năm 2023 và các Phụ lục/Hợp đồng sửa đổi bổ sung khác của Hợp đồng mua bán điện 07 giữa Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 và Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("EVN")/Công ty Mua Bán Điện ("EPTC").

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Lãi trả chậm dự thu Công ty Mua bán điện (EPTC) (*)	42.153.554.457	42.153.554.457
Siemens Energy Global	-	1.526.376.282
Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng	69.480.827.105	35.763.761.384
Tạm ứng cho nhân viên	151.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	25.250.000	15.000.000
Phải thu khác	943.953.514	237.919.289
Tổng cộng	112.754.585.076	79.696.611.412

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Ấp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch

Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2025**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

(*) Khoản lãi trả chậm dự thu của Công ty Mua bán Điện ("EPTC") theo điều khoản của Hợp đồng mua bán điện số 07/2012/HĐ-NMĐ-NT2 ngày 06 tháng 7 năm 2012 giữa Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 và EVN/EPTC phát sinh đến ngày 31 tháng 12 năm 2012.

8. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi tại ngày kết thúc kỳ kế toán được Công ty trích lập trên cơ sở đánh giá của Ban Giám đốc về khả năng thu hồi, chi tiết như sau:

	<u>30/06/2025</u>		<u>01/01/2025</u>	
		VND		VND
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Giá trị khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc khó có khả năng thu hồi				
Công ty Mua bán điện (EPTC)	80.494.444.352	56.178.618.099	80.494.444.352	56.178.618.099
Dự phòng		24.315.826.253		24.315.826.253

9. HÀNG TỒN KHO

Giá trị hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024 bao gồm giá trị nhiên liệu dầu DO (được nhập kho phục vụ cho hoạt động sản xuất điện) và các vật tư tiêu hao, vật tư dự phòng, ... phục vụ quá trình vận hành thương mại, bảo dưỡng Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2.

	<u>30/06/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
	VND	VND
Vật tư phục vụ sản xuất điện	280.357.672.909	267.604.801.750
Dầu DO 0,05% S	64.956.398.487	64.995.034.106
Tổng cộng	345.314.071.396	332.599.835.856

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)						MÃU B 09a-DN
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo						
10.	TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH					
NGUYÊN GIÁ		Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Tổng
		VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2025	2.972.510.902.136	-	8.312.185.485.163	35.945.649.692	11.897.708.657	11.332.539.745.648
Tăng trong kỳ	-	-	-	3.021.530.485	1.545.762.440	4.567.292.925
Số dư tại ngày 30/06/2025	2.972.510.902.136	-	8.312.185.485.163	38.967.180.177	13.443.471.097	11.337.107.038.573
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại ngày 01/01/2025	1.965.142.359.863	7.903.223.828.856		33.533.579.639	11.022.300.600	9.912.922.068.958
Khấu hao trong kỳ	74.181.151.042	268.603.316.319		338.275.140	297.439.447	343.440.181.948
Số dư tại ngày 30/06/2025	2.039.323.510.905	8.171.827.145.175		33.891.854.779	11.319.740.047	10.256.362.250.906
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 30/06/2025	933.187.391.231	140.358.339.988		5.075.325.398	2.123.731.050	1.080.744.787.667
Tại ngày 01/01/2025	1.007.368.542.273	408.961.656.307		2.412.070.053	875.408.057	1.419.617.676.690

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 76.607.742.466 đồng (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 73.774.469.739 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Ấp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch

Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2025**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại ngày 01/01/2025	21.602.554.546	10.000.346.375	31.602.900.921
Tăng trong kỳ	-	-	-
Số dư tại ngày 30/06/2025	21.602.554.546	10.000.346.375	31.602.900.921
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại ngày 01/01/2025	-	9.551.994.671	9.551.994.671
Khấu hao trong kỳ	-	100.666.668	100.666.668
Số dư tại ngày 30/06/2025	-	9.652.661.339	9.652.661.339
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 30/06/2025	21.602.554.546	347.685.036	21.950.239.582
Tại ngày 01/01/2025	21.602.554.546	448.351.704	22.050.906.250

Giá trị quyền sử dụng đất lâu dài là quyền sử dụng đất tại khu đất thuộc chung cư CC1.2 – Đơn vị ở số 1 – Khu dân cư Phước An – Long thọ, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 9.396.346.375 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 9.396.346.375 đồng).

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước ngắn hạn thể hiện khoản phí bảo hiểm nhà máy, bảo hiểm con người và các chi phí khác có thời hạn phân bổ trong vòng 1 năm.

Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu bao gồm các chi phí:

- Khoản chi phí nhiên liệu khí vận hành nhà máy điện Nhơn Trạch 2 trả trước theo nghĩa vụ bao tiêu nhiên liệu khí được quy định tại Hợp đồng mua bán khí số 44/2010/PVGas/KHTH-PVPOWER NT2/B4 ngày 06 tháng 4 năm 2010 giữa Công ty và Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP ("PVGas"). Trong một số tháng, sản lượng điện phát của Công ty không đủ để đảm bảo nghĩa vụ bao tiêu nhiên liệu khí theo quy định tại Hợp đồng mua bán khí, tuy nhiên Công ty vẫn có nghĩa vụ phải trả cho PVGas số tiền tương ứng với lượng khí bằng lượng khí bao tiêu trừ đi lượng khí thực tế tiêu thụ trong năm ("lượng khí trả trước"). Công ty sẽ có quyền nhận từ PVGas một lượng khí tương đương lượng khí trả trước trong vòng bốn (04) năm kể từ năm phát sinh và có thể khấu trừ vào nghĩa vụ bao tiêu mà không phải chịu bất kỳ một chi phí nào khác, việc áp dụng khấu trừ bằng khí nhận trước trong bất kỳ một năm hợp đồng nào sẽ không vượt quá 15% lượng khí tối thiểu năm của năm hợp đồng đó. Tại ngày lập báo cáo tài chính này, tiền khí trả trước đã được PVGas khấu trừ hết vào nghĩa vụ bao tiêu trong năm 2025.
- Chi phí đại tu Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 tại 100.000 giờ vận hành EOH phát sinh khi nhà máy đạt đến 100.000 giờ vận hành EOH và Công ty phải thực hiện việc đại tu định kỳ theo yêu cầu kỹ thuật. Theo đó, chi phí đại tu này được ghi nhận và phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tương ứng cho kỳ phát sinh 33.333 giờ vận hành EOH cho mỗi tổ máy tiếp theo.
- Phí thanh toán lần đầu theo Hợp đồng bảo trì, sửa chữa dài hạn thiết bị chính Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 giai đoạn 100.000 giờ vận hành EOH tiếp theo cho mỗi tổ máy giữa Công ty và liên danh Siemens Energy Global GmbH & Co. KG/ Siemens Energy Limited Company ký ngày 28 tháng 7 năm 2023. Theo đó, phí thanh toán lần đầu này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

được ghi nhận và phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ trong vòng 100.000 giờ vận hành EOH cho mỗi tổ máy tiếp theo.

- (iv) Chi phí thuê đất đã được Công ty trả trước thông qua việc đền bù giải phóng mặt bằng tương ứng với phần diện tích đất thuê tại xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai với diện tích 129.188 m² cho giai đoạn từ ngày 27 tháng 6 năm 2009 đến ngày 9 tháng 10 năm 2014 và với diện tích 294.724,8 m² cho giai đoạn từ ngày 27 tháng 6 năm 2009 đến ngày 30 tháng 6 năm 2034. Chi phí này được Công ty phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm theo phương pháp đường thẳng và bù trừ tương ứng với số tiền thuê phải trả theo hợp đồng thuê đất trong suốt thời gian thuê.

Chi tiết số dư của khoản chi phí trả trước tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Phí bảo hiểm nhà máy và các khoản trả trước khác	11.070.028.985	4.749.424.813
Tổng cộng	11.070.028.985	4.749.424.813
b. Dài hạn		
Khí trả trước theo Hợp đồng mua bán khí (i)	-	1.039.511.914.882
Phí thanh toán lần đầu Hợp đồng bảo trì, sửa chữa dài hạn thiết bị chính giai đoạn 100.000 EOH tiếp theo (ii)	131.467.226.071	137.131.381.946
Chi phí sửa chữa lớn Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 (iii)	257.572.817.644	301.702.397.469
Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng (iv)	3.176.286.696	3.352.747.068
Chi phí khác	963.675.333	668.221.909
Tổng cộng	393.180.005.744	1.482.366.663.274

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ	Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ
a. Phải trả người bán là các bên liên quan				
- Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	1.243.164.847.950	1.243.164.847.950	2.153.018.063.190	2.153.018.063.190
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật điện lực Dầu khí Việt Nam	5.059.802.536	5.059.802.536	6.606.186.471	6.606.186.471
	1.248.224.650.486	1.248.224.650.486	2.159.624.249.661	2.159.624.249.661
b. Phải trả người bán là bên thứ ba				
- Siemens Energy Global GmbH & Co.KG	-	-	90.148.277.384	90.148.277.384
- Các đối tượng khác	8.541.205.542	8.541.205.542	3.083.403.312	3.083.403.312
	8.541.205.542	8.541.205.542	93.231.680.696	93.231.680.696
Tổng cộng	1.256.765.856.028	1.256.765.856.028	2.252.855.930.357	2.252.855.930.357

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải nộp	Phát sinh trong kỳ		Số phải nộp
	tại ngày 01/01/2025	Số phải nộp	Số đã thực nộp	tại ngày 30/06/2025
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	5.415.095.741	5.415.095.741	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	1.024.200.379	1.024.200.379	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.862.579.743	45.098.830.766	14.862.579.743	45.098.830.766
Thuế thu nhập cá nhân	537.170.938	8.571.351.994	8.590.628.108	517.894.824
Thuế tài nguyên	3.678.461.520	19.752.514.680	19.878.068.760	3.552.907.440
Các loại thuế, phí khác	4.365.205.942	16.853.621.401	16.783.662.167	4.435.165.176
Tổng cộng	23.443.418.143	96.715.614.961	66.554.234.898	53.604.798.206

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Chi phí nhiên liệu khí (i)	978.304.839.954	1.116.609.913.314
Chi phí bảo trì, bảo dưỡng nhà máy (ii)	52.972.565.838	32.939.774.371
Chi phí lãi vay	6.381.395.750	2.828.385.151
Các khoản trích trước khác	2.095.420.396	1.293.319.190
Tổng cộng	1.039.754.221.938	1.153.671.392.026

Chi phí phải trả ngắn hạn tại ngày kết thúc kỳ kế toán chủ yếu bao gồm các chi phí:

- (i) Chi phí nhiên liệu khí vận hành Nhà máy điện CTHH Nhơn Trạch 2 chưa xuất hóa đơn tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo Thông báo trước tiền khí từ Chi nhánh Tổng công ty Khí Việt Nam – CTCP - Công ty Vận chuyển Khí Đông Nam Bộ.
- (ii) Chi phí bảo trì, sửa chữa nhà máy được trích theo Hợp đồng bảo trì, sửa chữa dài hạn thiết bị chính Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 giai đoạn 100.000 giờ vận hành EOH tiếp theo cho mỗi tổ máy giữa Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 và liên danh Siemens Energy Global GmbH & Co.KG/ Siemens Energy Limited Company ký ngày 28 tháng 7 năm 2023.

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Lãi chậm thanh toán phải trả	39.278.284.374	39.278.284.374
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP (*)		
Cổ tức phải trả	9.249.070.716	9.014.824.084
Các khoản phải trả khác	848.217.194	736.823.891
Tổng cộng	49.375.572.284	49.029.932.349

(*) Khoản lãi trả chậm dự trả tiền khí cho Tổng Công ty Khí Việt Nam – CTCP (PVGAS) theo điều khoản của Hợp đồng mua bán khí số 44/2010/PVGas/KTTT-PVPower NT2/B4 ngày 06 tháng 4 năm 2010 giữa Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 và PVGAS phát sinh đến ngày 31 tháng 12 năm 2012.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU B 09a-DN

17. VAY NGẮN HẠN

	Số dư tại ngày 01/01/2025		Phát sinh trong kỳ		Số dư tại ngày 30/06/2025	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	996.392.854.961	996.392.854.961	1.987.840.266.564	996.392.854.961	1.987.840.266.564	1.987.840.266.564
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	996.392.854.961	996.392.854.961	1.987.840.266.564	996.392.854.961	1.987.840.266.564	1.987.840.266.564
	996.392.854.961	996.392.854.961	1.987.840.266.564	996.392.854.961	1.987.840.266.564	1.987.840.266.564

Ngày 15 tháng 3 năm 2024, Công ty đã ký hợp đồng vay tín chấp ngắn hạn số 006/VCB.TT.KHDN/24NH với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam với tổng hạn mức vay là 2.000.000.000.000 đồng phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh điện. Thời hạn được cấp hạn mức tín dụng tính từ ngày ký hợp đồng vay đến hết ngày 15 tháng 3 năm 2025. Lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn cho vay theo thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên từng Giấy nhận nợ. Lãi được trả định kỳ hàng tháng và ngày hoàn trả toàn bộ nợ cuối cùng không muộn hơn ngày kết thúc khoản vay.

Ngày 25 tháng 3 năm 2025, Công ty đã ký hợp đồng vay tín chấp ngắn hạn số 010/TTB.KHDN/25NH với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam với tổng hạn mức vay là 2.000.000.000.000 đồng (bao gồm cả các khoản nợ của Công ty với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo hợp đồng tín chấp ngắn hạn số 006/VCB.TT.KHDN/24NH ký ngày 15 tháng 3 năm 2024 tính đến ngày ký hợp đồng này) phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh điện. Thời hạn được cấp hạn mức tín dụng tính từ ngày ký hợp đồng vay đến hết ngày 25 tháng 3 năm 2026. Lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn cho vay theo thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên từng Giấy nhận nợ. Lãi được trả định kỳ hàng tháng và ngày hoàn trả toàn bộ nợ cuối cùng không muộn hơn ngày kết thúc khoản vay.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	<u>30/06/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ Cổ phiếu phổ thông	287.876.029	287.876.029
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu phổ thông	<u>287.876.029</u>	<u>287.876.029</u>

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng lợi tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng một cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với tài sản thuần của Công ty.

Chi tiết các cổ đông tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	<u>30/06/2025</u>		<u>01/01/2025</u>	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam-CTCP	1.709.260.800.000	59,37%	1.709.260.800.000	59,37%
Công ty TNHH Phát Triển Công Nghệ	237.961.150.000	8,27%	237.961.150.000	8,27%
Các cổ đông khác	931.538.340.000	32,36%	931.538.340.000	32,36%
	<u>2.878.760.290.000</u>	<u>100%</u>	<u>2.878.760.290.000</u>	<u>100%</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
MÃU B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Thay đổi vốn chủ sở hữu trong kỳ như sau:

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2024	2.878.760.290.000	(457.500.000)	226.065.784.162	1.231.480.796.169	4.335.849.370.331
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	82.893.960.390	82.893.960.390
Chi trả cổ tức từ lợi nhuận năm 2023	-	-	-	(201.513.220.300)	(201.513.220.300)
Phân phối từ lợi nhuận năm 2023	-	-	-	(28.150.000.000)	(28.150.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2024	2.878.760.290.000	(457.500.000)	226.065.784.162	1.084.711.536.259	4.189.080.110.421
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	363.211.750.572	363.211.750.572
Chi trả cổ tức từ lợi nhuận năm 2023	-	-	-	(230.300.823.200)	(230.300.823.200)
Phân phối từ lợi nhuận năm 2024	-	-	-	(28.150.000.000)	(28.150.000.000)
Số dư tại ngày 30/06/2025	2.878.760.290.000	(457.500.000)	226.065.784.162	1.189.472.463.631	4.293.841.037.793

Theo Nghị quyết số 07/NQ-CPNT2 ngày 29 tháng 5 năm 2024, Đại hội đồng Cổ đông thường niên của Công ty đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2023. Theo đó, cổ tức được chia từ lợi nhuận sau thuế của năm 2023 với tỷ lệ 15%/mệnh giá một cổ phần và tương ứng số tiền 431.814.043.500 đồng, trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Người quản lý với số tiền là 28.150.000.000 đồng. Theo Nghị quyết số 01/NQ-CPNT2 ngày 8 tháng 1 năm 2025, Hội đồng Quản trị thông qua việc chi trả cổ tức còn lại năm 2023 bằng tiền từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2023 với tỷ lệ 8%/mệnh giá, tương đương 800 đồng/01 cổ phần cho cổ đông hiện hữu của Công ty. Tính đến ngày lập báo cáo này, Công ty đã thực hiện việc chi trả cổ tức theo Nghị quyết trên.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC ĐẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch

Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***19. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và bán điện trong nội địa. Hoạt động sản xuất kinh doanh khác của Công ty chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty trong kỳ cũng như các niên độ/ kỳ kế toán trước. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và các niên độ/ kỳ kế toán trước đều liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

20. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG

Doanh thu bán điện trong kỳ được ghi nhận hàng tháng theo sản lượng điện sản xuất phát lên lưới điện quốc gia có sự xác nhận hàng tháng của Công ty Mua Bán Điện ("EPTC") theo giá bán điện được quy định tại Hợp đồng mua bán điện số 07/2012/HĐ-NMĐ-NT2 ngày 06 tháng 7 năm 2012, Hợp đồng cung cấp dịch vụ phụ trợ số 01/2023/DVPT/NT2-EVN ngày 10 tháng 9 năm 2023 và các phụ lục/Hợp đồng sửa đổi bổ sung khác của Hợp đồng mua bán điện giữa Công ty và Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("EVN")/ Công ty Mua Bán Điện ("EPTC").

21. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Từ 01/01/2025</u> <u>đến 30/06/2025</u>	<u>Từ 01/01/2024</u> <u>đến 30/06/2024</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.489.570.487.293	2.026.732.767.660
Chi phí nhân công	46.089.529.093	31.412.157.530
Chi phí khấu hao tài sản cố định	343.536.248.614	343.482.999.172
Chi phí dịch vụ mua ngoài	222.642.138.674	153.088.406.649
Chi phí khác	35.066.008.334	22.279.926.248
Tổng cộng	3.136.904.412.008	2.576.996.257.259

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Từ 01/01/2025</u> <u>đến 30/06/2025</u>	<u>Từ 01/01/2024</u> <u>đến 30/06/2024</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền gửi	68.906.034.303	36.786.335.204
Lãi chênh lệch tỷ giá	431.851.119	1.783.689.921
Tổng cộng	69.337.885.422	38.570.025.125

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Từ 01/01/2025</u> <u>đến 30/06/2025</u>	<u>Từ 01/01/2024</u> <u>đến 30/06/2024</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí lãi vay	30.537.517.819	13.783.192.874
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.512.242.204	2.798.350.240
Tổng cộng	32.049.760.023	16.581.543.114

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Ấp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch

Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2025**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
Lương nhân viên quản lý	14.491.931.080	9.717.493.839
BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ	2.140.262.550	1.970.107.250
Chi phí vật liệu văn phòng	933.549.531	936.549.356
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	597.149.714	172.677.999
Chi phí khấu hao TSCĐ quản lý	3.272.667.176	3.400.156.051
Thuế và lệ phí	141.760.306	111.885.655
Chi phí sửa chữa thường xuyên quản lý	128.729.140	388.289.881
Dịch vụ mua ngoài	11.559.150.371	12.514.794.044
Chi phí quản lý khác	6.858.487.104	3.927.838.644
Tổng cộng	40.123.686.972	33.139.792.719

25. THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
Thu nhập từ ghi nhận tăng giá trị vật tư dự phòng ISP	-	70.294.128.000
Thu nhập khác	683.908.824	1.054.399.572
Tổng cộng	683.908.824	71.348.527.572

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 10% tính trên thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất và kinh doanh điện năng (hoạt động chính) trong 15 năm kể từ năm đầu tiên có doanh thu và 20% cho những năm tiếp theo.

Công ty được miễn thuế 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế đối với hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo.

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% tính trên thu nhập từ các hoạt động khác theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 06 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Ấp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09a-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Chi phí thuế thu nhập hiện hành trong kỳ được tính như sau:

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025			Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	Hoạt động chính VND	Hoạt động khác VND	Tổng VND	Tổng VND
Lợi nhuận trước thuế	370.011.925.440	38.298.655.898	408.310.581.338	(35.973.682.732)
Cộng: Các chi phí không được trừ	3.952.356.169	213.357.128	4.165.713.297	524.500.056
Thu nhập tính thuế kỳ hiện hành	373.964.281.609	38.512.013.026	412.476.294.635	(35.449.182.676)
Thuế suất	10%	20%		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	37.396.428.161	7.702.402.605	45.098.830.766	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	37.396.428.161	7.702.402.605	45.098.830.766	-

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu như bên dưới:

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Lợi nhuận sau thuế	363.211.750.572	(35.973.682.732)
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng BDH	14.075.000.000	-
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	349.136.750.572	(35.973.682.732)
Số bình quân gia quyền của cổ phần phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	287.876.029	287.876.029
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.213	(125)

28. CÁC KHOẢN CAM KẾT**Cam kết bán hàng**

Công ty đã ký kết với Công ty Mua Bán Điện (EPTC) bằng Hợp đồng mua bán điện số 07/2012/HĐ-NMĐ-NT2 ngày 06 tháng 7 năm 2012 và các Hợp đồng, sửa đổi bổ sung có liên quan. Theo đó, toàn bộ sản lượng điện sản xuất theo lệnh điều động của Cục Điều tiết Điện lực sẽ được bao tiêu bởi Công ty Mua Bán Điện (EPTC) trong thời hạn là 25 năm kể từ ngày Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 chính thức vận hành thương mại vào ngày 16 tháng 10 năm 2011. Giá bán điện được thỏa thuận theo các điều khoản trong Hợp đồng mua bán điện và các phụ lục hợp đồng kèm theo.

Cam kết mua hàng

Công ty đã ký kết với Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty TNHH Một thành viên (PVGAS) bằng Hợp đồng mua bán khí số 44/2010/PVGas/KTTT-PVPower NT2/B4 ngày 06 tháng 04 năm 2010. Theo đó, giá bán khí được thỏa thuận theo các điều khoản trong Hợp đồng mua bán khí và các phụ lục hợp đồng kèm theo và Công ty có trách nhiệm phải mua và thanh toán một lượng khí tối thiểu năm trong suốt thời hạn của hợp đồng cho đến khi kết thúc hợp đồng mua này vào ngày 31 tháng 12 năm 2036.

29. TÀI SẢN, CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Theo Nghị Quyết số 1944/NQ-DKVN ngày 02 tháng 04 năm 2018 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (“PVN”) về việc ngừng áp dụng Nghị quyết số 1827/NQ-DKVN ngày 19 tháng 03 năm 2013 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc chấp thuận phương án hạch toán kế toán đối với các khoản doanh thu/chi phí liên quan đến việc chậm thanh toán tiền điện/tiền khí. Theo đó, Công ty sẽ phải tiến hành ghi nhận khoản thu tiền lãi trả chậm phát sinh từ Công ty Mua Bán Điện (“EPTC”) và ghi nhận khoản phải trả cho PV GAS dựa theo ngày chậm trễ/quá hạn thanh toán theo đúng quy định của hợp đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Ấp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch

Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2025**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

nguyên tắc và các phụ lục bổ sung được ký giữa Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 và PV GAS (Hợp đồng mua bán khí) và giữa Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 và Công ty Mua Bán Điện (Hợp đồng mua bán điện). Công ty đã làm việc với Công ty Mua Bán Điện ("EPTC"), PV GAS về tình hình thực hiện hợp đồng mua bán điện/khí và đang trao đổi lại với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam cũng như Công ty mẹ - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam-CTCP về phương pháp cụ thể, về tính hiệu lực của Nghị Quyết số 1944/NQ-DKVN có được áp dụng cho các khoản lãi chậm nộp có số dư phát sinh từ những năm/kỳ trước hay không để làm cơ sở cho việc hạch toán chính xác và đầy đủ các khoản lãi phạt/chi phí, phải thu/phải trả liên quan đến việc chậm thanh toán tiền điện/tiền khí đã phát sinh trong thời gian tới.

Liên quan đến việc thanh tra chấp hành pháp luật về thuế tại Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 theo Quyết định số 1632/QĐ-TCT ngày 08/11/2019 của Tổng Cục thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018. Đối với một số vấn đề vướng mắc do đặc thù ngành nghề liên quan đến thời điểm kê khai thuế giá trị gia tăng của doanh thu từ bán điện và chi phí tương ứng từ việc mua khí để sản xuất điện, Công ty đang tiếp tục giải trình và kiến nghị với Đoàn thanh tra – Tổng Cục thuế và các cơ quan chức năng có liên quan để có kết luận cuối cùng về việc thanh tra chấp hành pháp luật về thuế tại Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính này, Công ty vẫn chưa nhận được kết luận cuối cùng về việc thanh tra chấp hành pháp luật thuế tại Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 liên quan đến thời điểm kê khai thuế giá trị gia tăng của doanh thu từ bán điện và chi phí tương ứng từ việc mua khí để sản xuất điện của Tổng Cục Thuế và cơ quan hữu quan nên chưa có cơ sở chắc chắn để ghi nhận bất cứ điều chỉnh nào trên báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc 30 tháng 6 năm 2025.

Ngày 18 tháng 8 năm 2022, Công ty đã ký kết Phụ lục Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 16 ("Phụ lục hợp đồng bổ sung 16") của Hợp đồng mua bán điện số 07/2012/HĐ-NMĐ-NT2 ngày 06 tháng 7 năm 2012 về việc điều chỉnh giá bán điện theo vốn đầu tư quyết toán Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 với Công ty Mua bán Điện ("EPTC"), bao gồm điều khoản liên quan đến điều chỉnh tỷ giá ngoại tệ (tỷ giá gốc) trong phương án điện tại Hợp đồng mua bán điện 07 ở trên. Theo đó, phần doanh thu bổ sung liên quan đến phần chênh lệch tỷ giá còn lại của năm 2019 và phần chênh lệch tỷ giá cho giai đoạn từ năm 2020 đến năm 2021 với số tiền khoảng 177 tỷ đồng theo quy định Thông tư 07/2024/TT-BCT ngày 12 tháng 4 năm 2024 (thay thế Thông tư số 57/2020/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2020) của Bộ Công Thương quy định phương pháp xác định giá phát điện, hợp đồng mua bán điện và theo Phụ lục Hợp đồng bổ sung 16 sẽ được ghi nhận vào báo cáo tài chính tương lai khi có sự thống nhất giữa Công ty và Tập đoàn Điện lực Việt Nam/Công ty Mua Bán Điện trong thực hiện Hợp đồng mua bán điện theo quy định hiện hành.

Ngày 09/11/2021, Ủy ban Nhân dân huyện Nhơn Trạch đã ra Quyết định số 4267/QĐ-UBND về việc thu hồi diện tích đất 116.482 m² của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 để thực hiện dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhà máy điện Nhơn Trạch 4 tại khu công nghiệp Ông Kèo, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai do Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP làm chủ đầu tư. Theo đó Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 vẫn đang tiếp tục làm việc với các bên liên quan và cơ quan hữu quan để thực hiện các nghĩa vụ tài chính liên quan đến diện tích đất thu hồi.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Ban Giám đốc đánh giá rằng Công ty có nghĩa vụ thu dọn, khôi phục và hoàn trả mặt bằng vào cuối thời hạn thuê hoặc thời hạn kết thúc dự án của nhà máy điện. Hiện tại, Công ty chưa ước tính giá trị của nghĩa vụ hoàn nguyên này vì chưa thu thập đủ thông tin đáng tin cậy về chi phí có thể phát sinh cũng như đánh giá các ảnh hưởng có thể có liên quan đến việc tính giá thành điện. Theo đó, Công ty đang làm việc với các cơ quan hữu quan để có thêm hướng dẫn để có đủ thông tin cần thiết cho việc ước tính.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, theo Hợp đồng bảo trì, sửa chữa dài hạn thiết bị chính Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2, Công ty nhận giữ hộ một số vật tư phụ tùng thuộc sở hữu của nhà thầu Siemens Energy Global GmbH nhằm mục đích phục vụ cho nhu cầu bảo trì bảo dưỡng của nhà máy. Các vật tư này sẽ được quyết toán sau thời điểm kết thúc hợp đồng sửa chữa dài hạn đã được ký kết với Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Ấp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch

Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2025**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong kỳ, Công ty đã có giao dịch với các bên liên quan sau:

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
Mua hàng dịch vụ		
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	1.580.241.293.053	2.904.988.402.112
Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	10.150.838.421	29.997.919.257
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	-	77.838.125
Trường Cao đẳng Dầu khí	120.000.000	-
Công ty TNHH TMDV Kiểm định Dầu khí Việt Nam	750.506.400	-
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.039.566.521	5.136.016.199
Công ty Cổ phần PVI	22.676.931.907	22.700.298.355
Doanh thu tài chính		
Lãi tiền gửi từ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	1.005	14.519
Chi trả cổ tức		
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	136.740.864.000	119.648.256.000

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Phải trả người bán		
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	1.243.164.847.950	2.153.018.063.190
Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	5.059.802.536	6.606.186.471
Chi phí phải trả		
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	978.304.839.954	1.116.609.913.314
Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	-	780.833.725
Phải trả khác		
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	39.278.284.374	39.278.284.374

Tổng thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và Ban kiểm soát được hưởng trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
Hội đồng Quản trị:		
Ông Ưông Ngọc Hải	823.532.768	738.632.497
Ông Lương Ngọc Anh	48.000.000	48.000.000
Ông Ngô Đức Nhân	(*)	(*)
Ông Nguyễn Công Dũng	45.348.258	265.842.489
Bà Phan Thị Thúy Lan	48.000.000	48.000.000
	964.881.026	1.100.474.986

(*) Đã được trình bày ở phần thu nhập của Ban Giám đốc như chi tiết bên dưới.

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 26 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Ấp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch

Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2025**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
<u>Ban Giám đốc/ Kế toán trưởng:</u>		
Ông Ngô Đức Nhân	818.597.040	733.094.002
Bà Nguyễn Thị Hà	729.027.321	673.384.384
Ông Nguyễn Văn Quyền	629.421.811	567.862.114
Ông Nguyễn Trung Thu	668.719.084	632.528.950
Ông Lê Việt An	603.190.874	537.149.066
	3.448.956.130	3.144.018.516
<u>Ban kiểm soát:</u>		
Ông Nguyễn Hữu Minh	619.198.533	576.673.738
Ông Nguyễn Văn Kỳ	30.000.000	30.000.000
Bà Phan Lan Anh	30.000.000	30.000.000
	679.198.533	636.673.738

Chi phí hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
Chi phí hoạt động của Hội đồng Quản trị	81.661.039	59.485.111
Chi phí hoạt động của Ban kiểm soát	33.866.813	26.919.556

Lê Văn Tú
 Người lập biểu

Lê Việt An
 Kế toán trưởng

Ngô Đức Nhân
 Giám đốc
 Ngày tháng 07 năm 2025

Số văn bản: 834/CPNT2-TCKT

Ngày ban hành: 18/07/2025

~~CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2~~

Ấp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch

Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 4 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

PETROVIETNAM POWER NHON TRACH 2 JOINT STOCK COMPANY
(Incorporated in the Socialist Republic of Vietnam)

INTERIM FINANCIAL STATEMENTS
FOR THE 2ND QUARTER OF 2025
(For the period ended June 30, 2025)



Số văn bản: 834/CPNT2-TCKT

Ngày ban hành: 18/07/2025

PETROVIETNAM POWER NHON TRACH 2 JOINT STOCK COMPANY

Hamlet 3, Phuoc Khanh Commune, Nhon Trach District

Dong Nai Province, S.R Vietnam

TABLE OF CONTENTS

<u>CONTENTS</u>	<u>PAGE(S)</u>
INTERIM BALANCE SHEET	2 - 3
INTERIM INCOME STATEMENT	4
INTERIM CASH FLOW STATEMENT	5 - 6
NOTES TO THE INTERIM FINANCIAL STATEMENTS	7 - 26



PETROVIETNAM POWER NHON TRACH 2 JOINT STOCK COMPANYHamlet 3, Phuoc Khanh Commune, Nhon Trach District
Dong Nai Province, S.R Vietnam**Interim Financial Statements for the
2nd quarter of 2025****INTERIM BALANCE SHEET**

As at June 30, 2025

Form B 01a-DN*(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated December 22, 2014 of the Ministry of Finance)*

Unit: VND

ASSETS	Code	Note	June 30, 2025	January 01, 2025
A. CURRENT ASSETS	100		7,218,734,377,944	5,773,811,804,064
I. Cash and cash equivalents	110	4	20,754,271,604	56,958,238,240
1. Cash	111		20,754,271,604	6,958,238,240
2. Cash equivalents	112		-	50,000,000,000
II. Short-term financial investments	120	5	3,433,490,790,416	2,273,490,790,416
1. Held-to-maturity investments	123		3,433,490,790,416	2,273,490,790,416
III. Short-term receivables	130		3,393,914,309,986	2,988,656,591,746
1. Short-term trade receivables	131	6	3,305,239,301,163	2,933,275,806,587
2. Short-term advances to suppliers	132		236,250,000	-
3. Other short-term receivables	136	7	112,754,585,076	79,696,611,412
4. Provision for short-term doubtful debts	137	8	(24,315,826,253)	(24,315,826,253)
IV. Inventories	140	9	345,314,071,396	332,599,835,856
1. Inventories	141		345,314,071,396	332,599,835,856
V. Other current assets	150		25,260,934,542	122,106,347,806
1. Short-term prepaid expenses	151	12	11,070,028,985	4,749,424,813
2. Value added tax deductibles	152		14,190,905,557	117,356,922,993
B. NON-CURRENT ASSETS	200		1,495,875,032,993	2,924,035,246,214
I. Fixed assets	220		1,102,695,027,249	1,441,668,582,940
1. Tangible fixed assets	221	10	1,080,744,787,667	1,419,617,676,690
- Cost	222		11,337,107,038,573	11,332,539,745,648
- Accumulated depreciation	223		(10,256,362,250,906)	(9,912,922,068,958)
2. Intangible assets	227	11	21,950,239,582	22,050,906,250
- Cost	228		31,602,900,921	31,602,900,921
- Accumulated depreciation	229		(9,652,661,339)	(9,551,994,671)
II. Other non-current assets	260		393,180,005,744	1,482,366,663,274
1. Long-term prepaid expenses	261	12	393,180,005,744	1,482,366,663,274
TOTAL ASSETS (270=100+200)	270		8,714,609,410,937	8,697,847,050,278

PETROVIETNAM POWER NHON TRACH 2 JOINT STOCK COMPANYHamlet 3, Phuoc Khanh Commune, Nhon Trach District
Dong Nai Province, S.R Vietnam**Interim Financial Statements for the
2nd quarter of 2025****INTERIM BALANCE SHEET (Continued)**

As at June 30, 2025

Form B 01a-DN*(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated December 22, 2014 of the Ministry of Finance)*

Unit: VND

RESOURCES	Code Note	June 30, 2025	January 01, 2025
C. LIABILITIES	300	4,420,768,373,144	4,508,766,939,857
I. Current liabilities	310	4,420,768,373,144	4,508,766,939,857
1. Short-term trade payables	311 13	1,256,765,856,028	2,252,855,930,357
2. Taxes and amounts payable to the State budget	313 14	53,604,798,206	23,443,418,143
3. Payables to employees	314	6,812,439,282	20,967,804,184
4. Short-term accrued expenses	315 15	1,039,754,221,938	1,153,671,392,026
5. Other current payables	319 16	49,375,572,284	49,029,932,349
6. Short-term loans and finance lease liabilities	320 17	1,987,840,266,564	996,392,854,961
7. Bonus and welfare funds	322	26,615,218,842	12,405,607,837
D. EQUITY	400	4,293,841,037,793	4,189,080,110,421
I. Equity	410 18	4,293,841,037,793	4,189,080,110,421
1. Paid-in capital	411	2,878,760,290,000	2,878,760,290,000
- Ordinary shares with voting rights	411a	2,878,760,290,000	2,878,760,290,000
2. Share capital surplus	412	(457,500,000)	(457,500,000)
3. Development and investment fund	418	226,065,784,162	226,065,784,162
4. Retained earnings	421	1,189,472,463,631	1,084,711,536,259
- Retained earnings brought forward	421a	826,260,713,059	1,001,817,575,869
- Retained earnings for the current period	421b	363,211,750,572	82,893,960,390
TOTAL RESOURCES (440 = 300+400)	440	8,714,609,410,937	8,697,847,050,278

Le Van Tu
PreparerLe Viet An
Chief AccountantNgo Duc Nhan
Director
July , 2025

PETROVIETNAM POWER NHON TRACH 2 JOINT STOCK COMPANYHamlet 3, Phuoc Khanh Commune, Nhon Trach District
Dong Nai Province, S.R Vietnam**Interim Financial Statements for the
2nd quarter of 2025****INTERIM INCOME STATEMENT
For the 2nd quarter of 2025****FORM B 02a-DN***(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated December 22, 2014 of the Ministry of Finance)*
Unit: VND

ITEM	Code	Note	2 nd quarter		Accumulated from the beginning of the year to the end of the 2 nd quarter	
			2025	2024	2025	2024
1. Sales	01		2,081,257,647,143	2,186,073,466,321	3,507,963,285,976	2,447,980,400,926
2. Net sales (10=01)	10	20	2,081,257,647,143	2,186,073,466,321	3,507,963,285,976	2,447,980,400,926
3. Cost of goods sold	11		1,714,711,187,300	2,056,559,188,727	3,096,780,725,036	2,543,856,464,540
4. Gross profit from sale of goods (20=10-11)	20		366,546,459,843	129,514,277,594	411,182,560,940	(95,876,063,614)
5. Financial income	21	22	37,995,995,807	19,201,800,447	69,337,885,422	38,570,025,125
6. Financial expenses	22	23	18,381,311,911	8,691,510,915	32,049,760,023	16,581,543,114
- In which: Interest expense	23		18,153,618,313	8,655,508,250	30,537,517,819	13,783,192,874
7. General and administrative expenses	26	24	21,437,005,957	18,408,965,938	40,123,686,972	33,139,792,719
8. Net operating profit (30 = 20+(21-22)-26)	30		364,724,137,782	121,615,601,188	408,346,999,367	(107,027,374,322)
9. Other income	31	25	316,786,630	729,158,457	683,908,824	71,348,527,572
10. Other expenses	32		304,302,455	159,559,689	720,326,853	294,835,982
11. Other profit (40=31-32)	40		12,484,175	569,598,768	(36,418,029)	71,053,691,590
12. Accounting profit before tax (50=30+40)	50		364,736,621,957	122,185,199,956	408,310,581,338	(35,973,682,732)
13. Current corporate income tax expense	51	26	38,489,014,564	-	45,098,830,766	-
14. Net profit after corporate income tax (60=50 -51)	60		326,247,607,393	122,185,199,956	363,211,750,572	(35,973,682,732)
15. Basic earnings per share	70	27	1,109	424	1,213	(125)

Le Van Tu
PreparerLe Viet An
Chief AccountantNgo Duc Nhan
Director
July , 2025

PETROVIETNAM POWER NHON TRACH 2 JOINT STOCK COMPANYHamlet 3, Phuoc Khanh Commune, Nhon Trach District
Dong Nai Province, S.R Vietnam**Interim Financial Statements for the
2nd quarter of 2025****INTERIM CASH FLOW STATEMENT
(Indirect method)
For the period ended June 30, 2025****FORM B 03a-DN***(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated December 22, 2014 of the Ministry of Finance)*

Unit: VND

ITEM	Code	From January 01, 2025 to June 30, 2025	From January 01, 2024 to June 30, 2024
I. CASH FLOWS FROM OPERATING ACTIVITIES			
1. Profit before tax	01	408,310,581,338	(35,973,682,732)
2. Adjustments for:			
Depreciation of fixed assets	02	343,536,248,614	343,482,999,172
Exchange gain/(loss) on revaluation	04	-	(81,965,737)
Gain from investing activities	05	(68,906,034,303)	(36,786,335,204)
Interest expense	06	30,537,517,819	13,783,192,874
3. Operating profit before changes in working capital	08	713,478,313,468	284,424,208,373
Changes in receivables	09	(268,374,635,083)	(825,328,795,220)
Changes in inventories	10	(12,714,235,540)	(72,076,879,152)
Changes in payables	11	(1,127,830,800,242)	1,570,327,740,794
Changes in prepaid expenses	12	1,082,866,053,358	(937,347,652,117)
Interest paid	14	(26,984,507,220)	(11,804,148,042)
Corporate income tax paid	15	(14,862,579,743)	(13,894,749,731)
Other cash outflows	17	(13,935,788,993)	(17,215,470,572)
Net cash generated from operating activities	20	331,641,820,005	(22,915,745,667)
II. CASH FLOWS FROM INVESTING ACTIVITIES			
1. Acquisition and construction of fixed assets	21	(4,415,590,258)	(1,171,041,000)
2. Short-term investments	23	(2,433,000,000,000)	(2,016,950,000,000)
3. Proceeds from short-term investments	24	1,273,000,000,000	2,099,900,000,000
4. Proceeds from deposit interest, dividends and profit shared	27	35,188,968,582	69,127,591,201
Net cash generated from investing activities	30	(1,129,226,621,676)	150,906,550,201
III. CASH FLOWS FROM FINANCING ACTIVITIES			
1. Proceeds from borrowings	33	1,987,840,266,564	1,383,608,071,821
2. Principal repayments	34	(996,392,854,961)	(1,275,665,117,046)
3. Dividends paid to shareholders	36	(230,066,576,568)	(201,375,518,565)
Net cash flows from financing activities	40	761,380,835,035	(93,432,563,790)
Net cash flows for the period (50=20+30+40)	50	(36,203,966,636)	34,558,240,744
Cash and cash equivalents at the beginning of the period	60	56,958,238,240	1,152,868,962
Cash and cash equivalents at the end of the period (70=50+60)	70	20,754,271,604	35,711,109,706

PETROVIETNAM POWER NHON TRACH 2 JOINT STOCK COMPANY

Hamlet 3, Phuoc Khanh Commune, Nhon Trach District
Dong Nai Province, S.R Vietnam

**Interim Financial Statements for the
2nd quarter of 2025**

Additional information about non-cash items

Interest income from deposits for the period does not include an amount of VND 69,480,827,105 (First 6 months of 2024: VND 18,509,347,970) that represents interest receivables for the period that have not been received. Therefore, a corresponding amount has been adjusted for the change in receivables.

Interest paid for the period does not include an amount of VND 6,381,395,750 (First 6 months of 2024: VND 2,768,085,928) that represents interest payables that have not been paid. Therefore, a corresponding amount has been adjusted for the change in payables.

Dividends and profits paid to shareholders for the period do not include the amount of VND 9,249,070,716 (First 6 months of 2024: VND 9,088,013,749) which is the amount of dividends and profits not paid to shareholders. Therefore, a corresponding amount has been adjusted for the change in payables.

Le Van Tu
Preparer

Le Viet An
Chief Accountant

Ngo Duc Nhan
Director
July , 2025

PETROVIETNAM POWER NHON TRACH 2 JOINT STOCK COMPANY

Hamlet 3, Phuoc Khanh Commune, Nhon Trach District
Dong Nai Province, S.R Vietnam

Interim Financial Statements for the
2nd quarter of 2025

NOTES TO THE INTERIM FINANCIAL STATEMENTS (Continued)**FORM B 09a-DN**

These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying interim financial statements

1. GENERAL INFORMATION**Structure of ownership**

PetroVietnam Power Nhon Trach 2 Joint Stock Company (the “Company”) was incorporated in Vietnam under Business Registration Certificate No. 4703000396 dated June 20, 2007 issued by the Department of Planning and Investment of Dong Nai Province, and certificate of the most recent change in business registration dated June 20, 2025.

The Company’s shares are listed on Ho Chi Minh Stock Exchange according to Notice No. 614/TB-SGDHCM issued by Ho Chi Minh Stock Exchange on June 03, 2015 with the ticket symbol as NT2.

The number of the Company’s employees as at June 30, 2025 was 168 (as at December 31, 2024: 168).

Business lines

The business lines of the Company are:

- Power production, transmission and distribution;
- Direct support services for transportation by waterway;
- Wholesale of solid fuel, liquid, gas and other relative products;
- Warehouse and storage;
- Road transportation;
- Architecture and technical consultancy;
- Wholesale of equipment, materials and other spare parts;
- Professional activities, other scientific and technological;
- Other education not elsewhere classified;
- Domestic waterway transportation;
- Other transportation support services
- Real estate business, rights to use land owned, leased, or rented; leasing, operation, and management of residential buildings and land; leasing, operation, and management of non-residential buildings and land

Principal activities

The Company's main activity during the year was to manage and operate Nhon Trach 2 Thermal Power Plant located at Hamlet 3, Phuoc Khanh Commune, Nhon Trach District, Dong Nai Province, Socialist Republic of Vietnam.

Normal production and business cycle

The Company’s normal production and business cycle takes place for a period of 12 months or less.

2. BASIS FOR PREPARATION OF INTERIM FINANCIAL STATEMENTS AND FINANCIAL YEAR**Basis for preparation of interim financial statements**

The accompanying interim financial statements, expressed in Vietnam Dong (“VND”), are prepared under the historical cost convention and in accordance with Vietnamese Accounting Standards, corporate accounting system and legal regulations relating to interim financial reporting.

The accompanying interim financial statements are not intended to present the financial position, business performance and cash flows in accordance with accounting principles and practices generally accepted in countries and jurisdictions other than Vietnam.

PETROVIETNAM POWER NHON TRACH 2 JOINT STOCK COMPANY

Hamlet 3, Phuoc Khanh Commune, Nhon Trach District
Dong Nai Province, S.R Vietnam

**Interim Financial Statements for the
2nd quarter of 2025**

NOTES TO THE INTERIM FINANCIAL STATEMENTS (Continued)**FORM B 09a-DN**

These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying interim financial statements

Financial year

The Company's financial year begins on January 01 and ends on December 31.

3. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES

The significant accounting policies, which have been adopted by the Company in the preparation of these interim financial statements, are as follows:

Estimates

The preparation of interim financial statements in conformity with Vietnamese Accounting Standards, corporate accounting system and legal regulations relating to interim financial reporting requires the Board of Management to make estimates and assumptions that affect the reported amounts of assets, liabilities and disclosures of contingent assets and liabilities at the date of the interim financial statements and the reported amounts of revenues and expenses during the reporting period. Although these accounting estimates are based on the Board of Management's best knowledge, actual results may differ from those estimates.

Financial instruments**Initial recognition**

Financial assets: At the date of initial recognition, financial assets are recognized at cost plus transaction costs that are directly attributable to the acquisition of the financial assets. Financial assets of the Company comprise cash and cash equivalents, trade receivables and other receivables.

Financial liabilities: At the date of initial recognition, financial liabilities are recognized at cost plus transaction costs that are directly attributable to the issue of the financial liabilities. Financial liabilities of the Company comprise borrowings, trade payables and other payables and accrued expenses.

Subsequent measurement

Currently, there are no requirements for the subsequent measurement of financial instruments.

Cash and cash equivalents

Cash and cash equivalents comprise cash on hand, demand deposits, and short-term, highly liquid investments (not exceeding 3 months) that are readily convertible to known amounts of cash and which are subject to an insignificant risk of changes in value.

Held-to-maturity investments

Held-to-maturity investments represent term deposits at banks. These investments are recognized from the purchase date and are initially measured at purchase price plus any transaction costs related to the acquisition of investments. Interest income from held-to-maturity investments is recognized in the income statement on an accrual basis.

Receivables

Receivables represent the amounts recoverable from customers or other debtors and are stated at book value less provision for doubtful debts.

Provision for doubtful debts is made for receivables that are overdue when the debtor is in dissolution, in bankruptcy, or is experiencing similar difficulties and so may be unable to repay the debt.

PETROVIETNAM POWER NHON TRACH 2 JOINT STOCK COMPANYHamlet 3, Phuoc Khanh Commune, Nhon Trach District
Dong Nai Province, S.R Vietnam**Interim Financial Statements for the
2nd quarter of 2025****NOTES TO THE INTERIM FINANCIAL STATEMENTS (Continued)****FORM B 09a-DN***These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying interim financial statements***Inventories**

Inventories are stated at the lower of cost and net realisable value. Cost comprises direct materials and where applicable, direct labour costs and those overheads that have been incurred in bringing the inventories to their present location and condition. The Company applies perpetual inventory system. Cost is calculated using the weighted average method. Net realisable value represents the estimated selling price less all estimated costs to completion and costs to be incurred in marketing, selling and distribution.

The evaluation of necessary provision for impairment of inventories follows current prevailing accounting regulations which allow provisions to be made for obsolete, damaged, or sub-standard inventories and for those whose cost is higher than net realisable values as at the interim balance sheet date.

Tangible fixed assets and depreciation

Tangible fixed assets are stated at cost less accumulated depreciation. The costs of purchased tangible fixed assets comprise their purchase prices and any directly attributable costs of bringing the assets to their working condition and location for their intended use. The costs of self-constructed or manufactured assets are the actual construction or manufacturing cost plus installation and commissioning costs.

Tangible fixed assets are depreciated using the straight-line method over their estimated useful lives as follows:

	<u>Years</u>
Buildings and structures	05– 20
Machinery and equipment	05 – 14
Motor vehicles	06 – 10
Office equipment	03 – 06

Loss or gain from sales and disposals of tangible fixed assets is the difference between net proceeds from sales or disposals of assets and their carrying amount and is recognized in the interim income statement.

Leases

A lease is an operating lease where substantially all the rewards and risks of ownership of assets remain with the lessor. Rentals payable under operating leases are charged to the interim income statement on a straight-line basis over the lease term.

Intangible assets and amortization

Intangible assets represent land use rights and software. Value of indefinite land use rights are stated at cost and not amortized. Other intangible assets are amortized using the straight-line method over the estimated useful life.

Construction in progress

Construction in progress reflects the total value of fixed assets being purchased, capital construction and investment costs, and major repair costs of unfinished or completed fixed assets that have not been handed over or put into use. Depreciation of these assets, on the same basis as other assets, commences when the assets are ready for their intended use.

Prepayments

Prepaid expenses are expenses which have been paid but relate to results of operations in several accounting periods, including short-term and long-term prepaid expenses.

Hamlet 3, Phuoc Khanh Commune, Nhon Trach District
Dong Nai Province, S.R Vietnam

Interim Financial Statements for the
2nd quarter of 2025

NOTES TO THE INTERIM FINANCIAL STATEMENTS (Continued)

FORM B 09a-DN

These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying interim financial statements

Short-term prepaid expenses represent insurance for power plants, personnel insurance and others prepaid expenses, allocated on a straight-line basis within one year.

Long-term prepaid expenses include the advanced payments for fuel costs for the operation of Nhon Trach 2 Power Plant as per the gas purchase contract; the initial payment for the long-term maintenance and repair contract for the main equipment in the next 100,000 EOH phase; overhaul costs for the Nhon Trach 2 Combined Cycle Gas Turbine Power Plant; project land lease costs for the Nhon Trach 2 Combined Cycle Gas Turbine Power Plant and other long-term prepaid expenses detailed in Note 12. These long-term prepayments are amortized using the straight-line method.

Other types of long-term prepaid expenses comprise costs of tools, supplies and other expenditures which are expected to provide future economic benefits to the Company. These expenditures have been capitalized as long-term prepayments and are allocated to the interim income statement using the straight-line method over the period from two to three years in accordance with current prevailing regulations.

Accrued expenses

Accrued expenses are those liabilities of merchandises and services received from suppliers and recognized in the operating expenses for the period but not settled due to lack of invoice or documentation.

Payable provisions

Payable provisions are recognized when the Company has a present obligation as a result of a past event, and it is probable that the Company will be required to settle that obligation. Provisions are measured at the Board of Management's best estimate of the expenditure required to settle the obligation as at the interim balance sheet date.

Revenue recognition

Revenue from electricity sales is recognized monthly based on the electricity output connected to the national grid with monthly confirmation from Electric Power Trading Company (EPTC) at the selling price specified in the Power Purchase Agreement No. 07/2012/HD-NMD-NT2 dated July 06, 2012; the Ancillary Service Contract No. 01/2023/DVPT/NT2-EVN dated September 10, 2023 of Nhon Trach 2 Power Plant and its amendments and supplements. This amount of revenue from electricity sales is notified in advance to Electric Power Trading Company (EPTC) and any differences are included in the current accounting period when the Company determines the exact amount of revenue based on variable costs at the invoice issuance date.

Interest income is recognized on an accrual basis, based on the outstanding balances and the applicable interest rate.

Foreign currencies

Transactions denominated in foreign currencies are converted at the exchange rate on the date the transaction occurs. The balances of monetary items denominated in foreign currencies at the interim balance sheet are converted at the buying rate of Vietcombank on that date. Exchange differences for the year are recognized in the interim Income Statement.

NOTES TO THE INTERIM FINANCIAL STATEMENTS (Continued)

FORM B 09a-DN

These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying interim financial statements

Fund distribution and dividend allocation

Bonus and welfare fund, Management bonus, development and investment fund and dividends for shareholders are distributed from the Company's retained earnings in accordance with the Company's Charter and suggestion of the Board of Directors and approved by Shareholders in the General Shareholders' Meeting.

Interim dividend payment for the period is decided by the Board of Directors based on (i) current business situation and operating results in the coming year, (ii) expected dividend payout rate that has been approved by Shareholders in the General Shareholders' Meeting, and (iii) the Company's Charter and other Vietnamese regulations in order to balance between source of funds for dividend payment and other financial obligations.

The final figures relating to the fund distribution and dividend allocation mentioned as above for funds and dividends from annual retained earnings are approved by Shareholders during the Company's Annual General Shareholders' Meeting.

Borrowing costs

Borrowing costs are recognized in the interim income statement when incurred unless they are capitalized in accordance with Vietnamese Accounting Standard No. 16 "Borrowing costs".

Taxation

Income tax represents the sum of current tax and deferred tax.

Current tax is charged on taxable profit for the period. Taxable profit differs from profit before tax as reported in the interim income statement because it excludes items of income or expense that are taxable or deductible in other periods (including losses carried forward, if any) and it further excludes items that are never taxable or deductible.

Deferred tax is recognized on significant differences between carrying amounts of assets and liabilities in the interim financial statements and the corresponding tax bases used in the computation of taxable profit and is accounted for using balance sheet liability method. Deferred tax liabilities are generally recognized for all temporary differences and deferred tax assets are recognized to the extent that it is probable that taxable profit will be available against which deductible temporary differences can be utilized.

Deferred tax is calculated at the tax rates that are expected to apply in the period when the liability is settled, or the asset realized. Deferred tax is charged or credited to profit or loss, except when it relates to items charged or credited directly to equity, in which case the deferred tax is also dealt with in equity.

Deferred tax assets and liabilities are offset when there is a legally enforceable right to set off current tax assets against current tax liabilities and when they relate to income taxes levied by the same tax authority and the Company intends to settle its current tax assets and liabilities on a net basis.

The determination of the Company's current and deferred tax liabilities is based on the current interpretation of tax regulations. However, these regulations are subject to periodic variation and their ultimate determination depends on the results of the tax authorities' examinations.

Other taxes are paid in accordance with the prevailing tax laws in Vietnam.

PETROVIETNAM POWER NHON TRACH 2 JOINT STOCK COMPANYHamlet 3, Phuoc Khanh Commune, Nhon Trach District
Dong Nai Province, S.R Vietnam**Interim Financial Statements for the
2nd quarter of 2025****NOTES TO THE INTERIM FINANCIAL STATEMENTS (Continued)****FORM B 09a-DN***These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying interim financial statements***4. CASH AND CASH EQUIVALENTS**

	<u>June 30, 2025</u>	<u>January 01, 2025</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Cash	255,609,398	125,289,733
Bank demand deposits	20,498,662,206	6,832,948,507
Cash equivalent	-	50,000,000,000
Total	<u>20,754,271,604</u>	<u>56,958,238,240</u>

5. SHORT-TERM FINANCIAL INVESTMENTS

	<u>June 30, 2025</u>	<u>January 01, 2025</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Time deposits over 3 months	3,433,490,790,416	2,273,490,790,416
Total	<u>3,433,490,790,416</u>	<u>2,273,490,790,416</u>

Short-term financial investments as at June 30, 2025 represent deposits in Vietnam Dong with terms of more than 3 months and less than 1 year at commercial banks, and earning interest rates ranging from 4.2% per annum to 5.6% per annum.

Short-term financial investments as at June 30, 2025 include the balance of a 12-month term deposit at an interest rate of 4.2%/year at Modern Bank of Vietnam Limited with a value of VND 490,790,416, which is subject to transaction restrictions. The Board of Management assesses that this amount will be re-traded in the future when there are specific regulations from the State Bank of Vietnam.

6. SHORT-TERM TRADE RECEIVABLES

	<u>June 30, 2025</u>	<u>January 01, 2025</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Electric Power Trading Company (EPTC)	3,305,221,255,834	2,933,258,613,166
Other trade receivables	18,045,329	17,193,421
Total	<u>3,305,239,301,163</u>	<u>2,933,275,806,587</u>

The short-term trade receivables mainly consist of electricity payments receivable from Electric Power Trading Company ("EPTC") as of June 30, 2025, which is determined according to the official electricity selling price specified in the Power purchase agreement No. 07/2012/HD-NMD-NT2 ("Power Purchase Agreement 07") dated July 06, 2012; Auxiliary service contract No. 01/2023/DVPT/NT2-EVN dated September 10, 2023, and other amendment and appendices to the Power Purchase Agreement 07 between Petrovietnam Power Nhon Trach 2 Joint Stock Company and the Vietnam Electricity ("EVN")/ Electricity Power Trading Company ("EPTC").

PETROVIETNAM POWER NHON TRACH 2 JOINT STOCK COMPANYHamlet 3, Phuoc Khanh Commune, Nhon Trach District
Dong Nai Province, S.R Vietnam**Interim Financial Statements for the
2nd quarter of 2025****NOTES TO THE INTERIM FINANCIAL STATEMENTS (Continued)****FORM B 09a-DN***These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying interim financial statements***7. OTHER SHORT-TERM RECEIVABLES**

	<u>June 30, 2025</u>	<u>January 01, 2025</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Interest on late payment of Electric Power Trading Comp	42,153,554,457	42,153,554,457
Siemens Energy Global	-	1,526,376,282
Interest accrued	69,480,827,105	35,763,761,384
Advances to employees	151,000,000	-
Collateral and deposits	25,250,000	15,000,000
Other receivables	943,953,514	237,919,289
Total	<u>112,754,585,076</u>	<u>79,696,611,412</u>

(*) Interest on late payment receivable from Electric Power Trading Company ("EPTC") accrued up to December 31, 2012 according to the terms of the Power Purchase Agreement No. 07/2012/HD-NMD-NT2 dated July 06, 2012 between Petrovietnam Power Nhon Trach 2 Joint Stock Company and EVN/EPTC.

8. PROVISION FOR SHORT-TERM DOUBTFUL DEBTS

Provision for short-term doubtful debts at the balance sheet date is made upon the Board of Management's assessment of recoverability.

	<u>June 30, 2025</u>		<u>January 01, 2025</u>	
	<u>VND</u>			
	<u>Cost</u>	<u>Recoverable amount</u>	<u>Cost</u>	<u>Recoverable amount</u>
Total amount of receivables past due or not past due but impaired				
Electric Power Trading Company (EPTC)	80,494,444,352	56,178,618,099	80,494,444,352	56,178,618,09
Provision		<u>24,315,826,253</u>		<u>24,315,826,25</u>

9. INVENTORIES

Inventories as at June 30, 2025 and December 31, 2024 represent diesel oil (which has been stored to use for electricity production) and consumables, and spare parts used for commercial operations and maintenance activities of Nhon Trach 2 Combined Cycle Gas Turbine Power Plant.

	<u>June 30, 2025</u>	<u>January 01, 2025</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Supplies for power production	280,357,672,909	267,604,801,750
DO 0,05% S	64,956,398,487	64,995,034,106
Total	<u>345,314,071,396</u>	<u>332,599,835,856</u>

PETROVIETNAM POWER NHON TRACH 2 JOINT STOCK COMPANY

Hamlet 3, Phuoc Khanh Commune, Nhon Trach District
Dong Nai Province, S.R Vietnam

Interim Financial Statements for the 2nd quarter of 2025

FORM B 09a-DN

NOTES TO THE INTERIM FINANCIAL STATEMENTS (Continued)

These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying interim financial statements

10. TANGIBLE FIXED ASSETS

	Buildings, structures VND	Machinery, equipment transport, transmission VND	Means of transport VND	Office equipment VND	Total VND
COST					
Balance as at January 01, 2025	2,972,510,902,136	8,312,185,485,163	35,945,649,692	11,897,708,657	11,332,539,745,648
Increase	-	-	3,021,530,485	1,545,762,440	4,567,292,925
Balance as at June 30, 2025	2,972,510,902,136	8,312,185,485,163	38,967,180,177	13,443,471,097	11,337,107,038,573
ACCUMULATED DEPRECIATION					
Balance as at January 01, 2025	1,965,142,359,863	7,903,223,828,856	33,533,579,639	11,022,300,600	9,912,922,068,958
Charge for the period	74,181,151,042	268,603,316,319	358,275,140	297,439,447	343,440,181,948
Balance as at June 30, 2025	2,039,323,510,905	8,171,827,145,175	33,891,854,779	11,319,740,047	10,256,362,250,906
NET BOOK VALUE					
As at June 30, 2025	933,187,391,231	140,358,339,988	5,075,325,398	2,123,731,050	1,080,744,787,667
As at January 01, 2025	1,007,368,542,273	408,961,656,307	2,412,070,053	875,408,057	1,419,617,676,690

As at June 30, 2025, the cost of tangible fixed assets includes VND 76,607,742,466 (As at December 31, 2024: VND 73,774,469,739) of tangible fixed assets which have been fully depreciated but are still in use.

Hamlet 3, Phuoc Khanh Commune, Nhon Trach District
Dong Nai Province, S.R VietnamInterim Financial Statements for the
2nd quarter of 2025

NOTES TO THE INTERIM FINANCIAL STATEMENTS (Continued)

FORM B 09a-DN

These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying interim financial statements

11. INTANGIBLE ASSETS

	Land use rights VND	Software VND	Total VND
COST			
Balance as at January 01, 2025	21,602,554,546	10,000,346,375	31,602,900,921
Increase	-	-	-
Balance as at June 30, 2025	21,602,554,546	10,000,346,375	31,602,900,921
ACCUMULATED AMORTIZATION			
Balance as at January 01, 2025	-	9,551,994,671	9,551,994,671
Charge for the period	-	100,666,668	100,666,668
Balance as at June 30, 2025	-	9,652,661,339	9,652,661,339
NET BOOK VALUE			
As at June 30, 2025	21,602,554,546	347,685,036	21,950,239,582
As at January 01, 2025	21,602,554,546	448,351,704	22,050,906,250

Indefinite land use rights represent the land use rights for the land lot of the CC1.2 apartment complex - Unit No. 1 - Phuoc An - Long Tho Residential Area, Nhon Trach District, Dong Nai Province.

As at June 30, 2025, the cost of intangible assets includes VND 9,396,346,375 (as of December 31, 2024: VND 9,396,346,375) of intangible assets which have been fully amortized but are still in use.

12. PREPAID EXPENSES

Short-term prepaid expenses represent plant insurance, personnel insurance and other costs with an amortization period of 1 year.

Long-term prepaid expenses include expenditures as follows:

- (i) The prepayment for the fuel cost for operating Nhon Trach 2 Power Plant, as stipulated in the gas purchase agreement No. 44/2010/PVGas/KHTH-PVPOWER NT2/B4 dated April 06, 2010, between the Company and PetroVietnam Gas Joint Stock Corporation ('PVGas'). In some months, the Company's electricity output does not meet the obligation to purchase the gas as specified in the gas purchase agreement. However, the Company is still obligated to pay PVGas an amount corresponding to the gas volume committed minus the actual gas consumed during the year ('prepaid gas volume'). The Company will have the right to receive from PVGas a gas volume equivalent to the advance gas volume within four (04) years from the date of accrual and may offset it against the purchase obligation without incurring any additional costs. The application of the deduction by prepaid gas in any contract year shall not exceed 15% of the minimum annual gas volume of that contract year. As of the date of these interim financial statements, the prepaid gas has been fully deducted by PVGas from the offtake obligation in 2025.
- (ii) Overhaul costs of Nhon Trach 2 Combined Cycle Gas Turbine Power Plant at 100,000 EOH operating hours arise when the plant reaches 100,000 EOH operating hours and the Company must carry out periodic overhauls as required technical demand. Accordingly, this overhaul cost is recorded and allocated to the corresponding income statement for the period of 33,333 EOH operating hours for each subsequent generating unit.

Hamlet 3, Phuoc Khanh Commune, Nhon Trach District
Dong Nai Province, S.R Vietnam

Interim Financial Statements for the
2nd quarter of 2025

NOTES TO THE INTERIM FINANCIAL STATEMENTS (Continued)

FORM B 09a-DN

These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying interim financial statements

- (iii) The initial payment under the long-term maintenance and repair contract for Nhon Trach 2 Combined Cycle Gas Turbine Power Plant for the next 100,000 operating hours EOH for each unit between the Company and the joint venture of Siemens Energy Global GmbH & Co, KG / Siemens Energy Limited Company, signed on July 28, 2023. Accordingly, this initial payment is recorded and allocated in the interim income statement over the 100,000 EOH for each subsequent unit.
- (iv) Land rentals have been prepaid by the Company through compensation for site clearance corresponding to the area rented in Phuoc Khanh Commune, Nhon Trach District, Dong Nai Province for an area of 129,188 m² for the period from June 27, 2009 to October 09, 2014 and for an area of 294,724.8 m² for the period from June 27, 2009 to June 30, 2034. These prepayments are charged to the income statement using the straight-line method over the land lease term and the rental payables under the land lease contract shall be deducted accordingly throughout during the lease term.

Details of prepaid expenses at the interim balance sheet date:

	June 30, 2025	January 01, 2025
	VND	VND
a. Short-term		
Plant insurance premiums and other insurance	11,070,028,985	4,749,424,813
Total	11,070,028,985	4,749,424,813
b. Long-term		
Advanced gas fuel cost as stated in the Sale Contract (i)	-	1,039,511,914,882
Initial fee for long-term maintenance and repair contract of main equipment for the next 100,000 EOH period (ii)	131,467,226,071	137,131,381,946
Overhaul expenses of Nhon Trach 2 Power Plant (iii)	257,572,817,644	301,702,397,469
Compensation for site clearance (iv)	3,176,286,696	3,352,747,068
Others	963,675,333	668,221,909
Total	393,180,005,744	1,482,366,663,274

13. SHORT-TERM TRADE PAYABLES

	June 30, 2025		January 01, 2025	
	Amount	VND Solvent amount	Amount	VND Solvent amount
a. Trade payables to related parties				
- PetroVietnamGas Joint Stock Corporation	1,243,164,847,950	1,243,164,847,950	2,153,018,063,190	2,153,018,063,190
- PetroVietnamPower Technical Services Joint Stock Company	5,059,802,536	5,059,802,536	6,606,186,471	6,606,186,471
	1,248,224,650,486	1,248,224,650,486	2,159,624,249,661	2,159,624,249,661
b. Trade payable to third parties				
- Siemens Energy Global GmbH & Co.KG	-	-	90,148,277,384	90,148,277,384
- Other supplies	8,541,205,542	8,541,205,542	3,083,403,312	3,083,403,312
	8,541,205,542	8,541,205,542	93,231,680,696	93,231,680,696
Total	1,256,765,856,028	1,256,765,856,028	2,252,855,930,357	2,252,855,930,357

The accompanying notes from pages 7 to 26 are an integral part of these interim financial statements

PETROVIETNAM POWER NHON TRACH 2 JOINT STOCK COMPANYHamlet 3, Phuoc Khanh Commune, Nhon Trach District
Dong Nai Province, S.R Vietnam**Interim Financial Statements for the
2nd quarter of 2025****NOTES TO THE INTERIM FINANCIAL STATEMENTS (Continued)****FORM B 09a-DN***These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying interim financial statements***14. TAXES AND AMOUNTS PAYABLE TO THE STATE BUDGET**

	Payable amount as at January 01, 2025	Accrued amount for the period		Payable amount as at June 30, 2025
		Payable amount	Paid amount	
	VND	VND	VND	VND
Value added tax	-	5,415,095,741	5,415,095,741	-
Import and export tax	-	1,024,200,379	1,024,200,379	-
Corporate income tax	14,862,579,743	45,098,830,766	14,862,579,743	45,098,830,766
Personal income tax	537,170,938	8,571,351,994	8,590,628,108	517,894,824
Natural resource tax	3,678,461,520	19,752,514,680	19,878,068,760	3,552,907,440
Other taxes and fees	4,365,205,942	16,853,621,401	16,783,662,167	4,435,165,176
Total	23,443,418,143	96,715,614,961	66,554,234,898	53,604,798,206

15. SHORT-TERM ACCRUED EXPENSES

	June 30, 2025	January 01, 2025
	VND	VND
Cost of gas fuel (i)	978,304,839,954	1,116,609,913,314
Maintenance expenses	52,972,565,838	32,939,774,371
Accrued interest expenses	6,381,395,750	2,828,385,151
Other accruals	2,095,420,396	1,293,319,190
Total	1,039,754,221,938	1,153,671,392,026

Short-term accrued expenses at the balance sheet date mainly include the following:

- (i) The cost of gas fuel to operate the Nhon Trach 2 Power Plant has not been billed as of the interim balance sheet date and is recognized according to the prior notice from the Branch of PetroVietnam Gas Joint Stock Corporation - Southeast Gas Transmission Company.
- (ii) Plant maintenance and repair costs are deducted according to the long-term maintenance and repair contract for main equipment of Nhon Trach 2 Combined Cycle Gas Turbine Power Plant phase 100,000 hours of subsequent EOH operation for each unit between the Company and the joint venture of Siemens Energy Global GmbH & Co. KG/Siemens Energy Limited Company signed on July 28, 2023.

16. OTHER SHORT-TERM PAYABLES

	June 30, 2025	January 01, 2025
	VND	VND
Interest on late payment payable to PetroVietnam Gas Joint Stock Corporation (*)	39,278,284,374	39,278,284,374
Dividends payable	9,249,070,716	9,014,824,084
Other payables	848,217,194	736,823,891
Total	49,375,572,284	49,029,932,349

The accompanying notes from pages 7 to 26 are an integral part of these interim financial statements

PETROVIETNAM POWER NHON TRACH 2 JOINT STOCK COMPANY

Hamlet 3, Phuoc Khanh Commune, Nhon Trach District
Dong Nai Province, S.R Vietnam

**Interim Financial Statements for the
2nd quarter of 2025**

NOTES TO THE INTERIM FINANCIAL STATEMENTS (Continued)

FORM B 09a-DN

These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying interim financial statements

(*) The interest on late payment of gas charges payable to PetroVietnam Gas Joint Stock Corporation (PVGAS) in accordance with the terms of the Gas Purchase Agreement No. 44/2010/PVGas/KTTT-PVPower NT2/B4 dated April 06, 2010 between PetroVietnam Power Nhon Trach 2 Joint Stock Company and PVGAS as at December 31, 2012.



)

PETROVIETNAM POWER NHON TRACH 2 JOINT STOCK COMPANY

Hamlet 3, Phuoc Khanh Commune, Nhon Trach District
Dong Nai Province, S.R Vietnam

Interim Financial Statements for the 2nd quarter of 2024

NOTES TO THE INTERIM FINANCIAL STATEMENTS (Continued)

FORM B 09a-DN

These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying interim financial statements

17. SHORT-TERM LOANS

	Balance as at January 01, 2025		Accrual for the period		Balance as at June 30, 2025	
	VND Amount	VND Solvent amount	VND Increase	VND Decrease	VND Amount	VND Solvent amount
Short-term loans						
- Vietnam Joint Stock Commercial Bank for	996,392,854,961	996,392,854,961	1,987,840,266,564	996,392,854,961	1,987,840,266,564	1,987,840,266,564
Foreign Trade of Vietnam	996,392,854,961	996,392,854,961	1,987,840,266,564	996,392,854,961	1,987,840,266,564	1,987,840,266,564
	<u>996,392,854,961</u>	<u>996,392,854,961</u>	<u>1,987,840,266,564</u>	<u>996,392,854,961</u>	<u>1,987,840,266,564</u>	<u>1,987,840,266,564</u>

On March 15, 2024, the Company signed short-term unsecured loan contract No. 006/VCB.TT.KHDN/24NH with Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam with a total loan limit of VND 2,000,000,000,000 for electricity production and business activities. The credit limit is available from the date of the loan contract to March 15, 2025. The interest rate is determined at the date of disbursement based on the Bank's announced interest rate applicable from time to time and is specified in each Debt Acknowledgement. Interest shall be paid monthly, and the final repayment of the entire loan shall be no later than the maturity date.

On March 25, 2025, the Company signed Short-term Unsecured Loan Contract No. 010/TTH.KHDN/25NH with Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam with a total loan limit of VND 2,000,000,000,000 (including the Company's outstanding debts under Short-term Unsecured Loan Contract No. 006/VCB.TT.KHDN/24NH dated March 15, 2024, as of the date of this Contract) for electricity production and business activities. The credit facility term is valid from the date of the Loan Contract until March 25, 2026. The interest rate is determined at the date of disbursement based on the Bank's announced interest rate applicable from time to time and is specified in each Debt Acknowledgement. Interest shall be paid monthly, and the final repayment of the entire loan shall be no later than the maturity date.

PETROVIETNAM POWER NHON TRACH 2 JOINT STOCK COMPANYHamlet 3, Phuoc Khanh Commune, Nhon Trach District
Dong Nai Province, S.R Vietnam**Interim Financial Statements for the
2nd quarter of 2025****NOTES TO THE INTERIM FINANCIAL STATEMENTS (Continued)****FORM B 09a-DN***These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying interim financial statements***18. EQUITY**

	<u>June 30, 2025</u>	<u>January 01, 2025</u>
- Number of issued shares		
+ Ordinary shares	287,876,029	287,876,029
- Number of outstanding shares		
+ Ordinary shares	<u>287,876,029</u>	<u>287,876,029</u>

The Company has one class of ordinary share which carries no right to fixed income and par value is VND 10,000 per share. The shareholders of ordinary shares are entitled to receive dividends as declared from time to time and are entitled to one vote per share at the Company's shareholders meetings. All shares rank equally with regard to the Company's residual assets.

Details of shareholders as at the interim balance sheet date are as follows:

	<u>June 30, 2025</u>		<u>1/1/2025</u>	
	VND	%	VND	%
PetroVietnam Power Corporation	1,709,260,800,000	59.37%	1,709,260,800,000	59.37%
Technology Development Company Limited	237,961,150,000	8.27%	237,961,150,000	8.27%
Other shareholders	931,538,340,000	32.36%	931,538,340,000	32.36%
	<u>2,878,760,290,000</u>	<u>100%</u>	<u>2,878,760,290,000</u>	<u>100%</u>

PETROVIETNAM POWER NHON TRACH 2 JOINT STOCK COMPANY

Hamlet 3, Phuoc Khanh Commune, Nhon Trach District
Dong Nai Province, S.R Vietnam

Interim Financial Statements for the 2nd quarter of 2025

Số văn bản: 834/CPNT2-TCKT
Ngày ban hành: 18/07/2025

NOTES TO THE INTERIM FINANCIAL STATEMENTS (Continued)

FORM B 09a-DN

These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying interim financial statements

Movements in equity:

	Paid-in capital VND	Share capital surplus VND	Development and investment fund VND	Retained earnings VND	Total VND
Prior year's opening balance	2,878,760,290,000	(457,500,000)	226,065,784,162	1,231,480,796,169	4,335,849,370,331
Profit for the period	-	-	-	82,893,960,390	82,893,960,390
Dividends declared from 2023 profit	-	-	-	(201,513,220,300)	(201,513,220,300)
Distribution from 2023 profit	-	-	-	(28,150,000,000)	(28,150,000,000)
Current year's opening balance	2,878,760,290,000	(457,500,000)	226,065,784,162	1,084,711,536,259	4,189,080,110,421
Profit for the period	-	-	-	363,211,750,572	363,211,750,572
Dividends declared from 2023 profit	-	-	-	(230,300,823,200)	(230,300,823,200)
Distribution from 2024 profit	-	-	-	(28,150,000,000)	(28,150,000,000)
Current year's closing balance	2,878,760,290,000	(457,500,000)	226,065,784,162	1,189,472,463,631	4,293,841,037,793

Pursuant to Resolution No. 07/NQ-CPNT2 dated May 29, 2024, the Company's Annual General Meeting of Shareholders approved the plan to distribute after-tax profits of 2023. Accordingly, dividends will be distributed from after-tax profits in 2023 at a rate of 15% of par value per share and equivalent to VND 431,814,043,500, setting aside Bonus and Welfare Fund and Managers' Bonus Fund with an amount of VND 28,150,000,000. Pursuant to Resolution No. 01/NQ-CPNT2 dated January 8, 2025, the Board of Directors approved the payment of the remaining 2023 dividends in cash from retained earnings in 2023 at a rate of 8% of par value, equivalent to VND 800/share for existing shareholders of the Company. As of the date of this report, the Company has paid dividends in accordance with the above Resolution.

PETROVIETNAM POWER NHON TRACH 2 JOINT STOCK COMPANYHamlet 3, Phuoc Khanh Commune, Nhon Trach District
Dong Nai Province, S.R Vietnam**Interim Financial Statements for the
2nd quarter of 2025****NOTES TO THE INTERIM FINANCIAL STATEMENTS (Continued)****FORM B 09a-DN***These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying interim financial statements***19. OPERATING AND GEOGRAPHICAL SEGMENTS**

The Company's main business activities are the domestic production and sale of electricity. The Company's other business activities account for a very small proportion of the Company's total revenue and operating results in the period as well as in previous accounting periods. Accordingly, the financial information presented in the interim balance sheet as of June 30, 2025 and as of December 31, 2024 as well as all revenue and expenses presented in the interim income statement for the period then ended then and previous financial years/periods are all related to the main business activities. Therefore, there is no need to present segment reports by operating segment and geographical area.

20. NET SALES

Electricity revenue in the period is recognized monthly according to the electricity output generated to the national grid with the monthly confirmation of the Electricity Power Trading Company ("EPTC") at the electricity selling price stated in the Power Purchase Agreement No. 07/2012/HD-NMD-NT2 dated July 06, 2012, Auxiliary Service Contract No. 01/2023/DVPT/NT2-EVN dated September 10, 2023, and their appendices/amendments signed between the Company and Vietnam Electricity ("EVN")/ Electricity Power Trading Company ("EPTC").

21. PRODUCTION COST BY NATURE

	From January 01, 2025 to June 30, 2025	From January 01, 2024 to June 30, 2024
	VND	VND
Raw materials and consumables	2,489,570,487,293	2,026,732,767,660
Labour cost	46,089,529,093	31,412,157,530
Depreciation and amortisation	343,536,248,614	343,482,999,172
Outsourced services	222,642,138,674	153,088,406,649
Other expenses	35,066,008,334	22,279,926,248
Total	3,136,904,412,008	2,576,996,257,259

22. FINANCIAL INCOME

	From January 01, 2025 to June 30, 2025	From January 01, 2024 to June 30, 2024
	VND	VND
Interest income	68,906,034,303	36,786,335,204
Foreign exchange gain	431,851,119	1,783,689,921
Total	69,337,885,422	38,570,025,125

23. FINANCIAL EXPENSES

Số văn bản: 834/CPNT2-TCKT

Ngày ban hành: 18/07/2025

PETROVIETNAM POWER NHON TRACH 2 JOINT STOCK COMPANY

Hamlet 3, Phuoc Khanh Commune, Nhon Trach District
Dong Nai Province, S.R Vietnam

**Interim Financial Statements for the
2nd quarter of 2025**

NOTES TO THE INTERIM FINANCIAL STATEMENTS (Continued)

FORM B 09a-DN

These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying interim financial statements

	From January 01, 2025 to June 30, 2025	From January 01, 2024 to June 30, 2024
	VND	VND
Interest expense	30,537,517,819	13,783,192,874
Foreign exchange loss	1,512,242,204	2,798,350,240
Total	32,049,760,023	16,581,543,114



PETROVIETNAM POWER NHON TRACH 2 JOINT STOCK COMPANYHamlet 3, Phuoc Khanh Commune, Nhon Trach District
Dong Nai Province, S.R Vietnam**Interim Financial Statements for the
2nd quarter of 2025****NOTES TO THE INTERIM FINANCIAL STATEMENTS (Continued)****FORM B 09a-DN***These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying interim financial statements***24. GENERAL AND ADMINISTRATIVE EXPENSES**

	From January 01, 2025 to June 30, 2025	From January 01, 2024 to June 30, 2024
	VND	VND
Administrative staff	14,491,931,080	9,717,493,839
Social insurance, health insurance, unemployment	2,140,262,550	1,970,107,250
Office supplies	933,549,531	936,549,356
Tools and instruments	597,149,714	172,677,999
Depreciation and amortisation	3,272,667,176	3,400,156,051
Taxes, fees and charges	141,760,306	111,885,655
Repair and maintenance costs	128,729,140	388,289,881
Outsourced services	11,559,150,371	12,514,794,044
Others	6,858,487,104	3,927,838,644
Total	40,123,686,972	33,139,792,719

25. OTHER INCOME

	From January 01, 2025 to June 30, 2025	From January 01, 2024 to June 30, 2024
	VND	VND
Income from recognition of increase in the value of ISP backup tools	-	70,294,128,000
Other income	683,908,824	1,054,399,572
Total	683,908,824	71,348,527,572

26. CURRENT CORPORATE INCOME TAX EXPENSE

The Company is obliged to pay corporate income tax at the rate of 10% on taxable income from electricity production and business (main activity) for 15 years from the first year of revenue generation and 20% for the following years.

The Company is exempted from tax for 4 years from the first year of taxable income from electricity production and business and is entitled to a 50% reduction in tax payable for the following 9 years.

The Company is obliged to pay corporate income tax at the rate of 20% on income from other activities in accordance with Circular No. 78/2014/TT-BTC dated June 18, 2014 issued by the Ministry of Finance.

PETROVIETNAM POWER NHON TRACH 2 JOINT STOCK COMPANYHamlet 3, Phuoc Khanh Commune, Nhon Trach District
Dong Nai Province, S.R Vietnam**Interim Financial Statements for the
2nd quarter of 2025****NOTES TO THE INTERIM FINANCIAL STATEMENTS (Continued)****FORM B 09a-DN***These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying interim financial statements*

The current corporate income tax expense for the period is computed as follows:

	From January 01, 2025 to June 30, 2025			2024 to June 30, 2024
	Main activity	Other activities	Total	Total
	VND	VND	VND	VND
Profit before tax	370,011,925,440	38,298,655,898	408,310,581,338	(35,973,682,732)
Add: Non-deductible expenses	3,952,356,169	213,357,128	4,165,713,297	524,500,056
Current taxable income	373,964,281,609	38,512,013,026	412,476,294,635	(35,449,182,676)
Tax rate	10%	20%		
Corporate income tax expense on taxable income for the current period	37,396,428,161	7,702,402,605	45,098,830,766	-
Current corporate income tax expense	37,396,428,161	7,702,402,605	45,098,830,766	-

27. BASIC EARNINGS PER SHARE

The calculation of the basic earnings per share attributable to the ordinary shareholders of the Company is based on the data below:

	From January 01, 2025 to June 30, 2025	From January 01, 2024 to June 30, 2024
	VND	VND
Profit after tax	363,211,750,572	(35,973,682,732)
Appropriation of bonus and welfare fund, reward	14,075,000,000	-
Profit for calculation of basic earnings per share	349,136,750,572	(35,973,682,732)
Weighted average number of ordinary shares outstanding for calculation of basic earnings per	287,876,029	287,876,029
Basic earnings per share	1,213	(125)

28. COMMITMENTS**Selling Commitments**

The Company signed Power Purchase Agreement No. 07/2012/HD-NMD-NT2 dated July 06, 2012 with Electric Power Trading Company ("EPTC") and other amendments. Accordingly, all electricity production produced under orders of Electricity Regulatory Authority of Vietnam is exclusively underwritten by EPTC within 25 years from the date when Nhon Trach 2 Combined Cycle Gas Turbine Power Plant is put into commercial operation on October 16, 2011. The selling price of electricity was negotiated in accordance with the Power Purchase Agreement as amended and its appendices.

Purchasing Commitments

The Company has signed the Gas Purchase Contract No. 44/2010/PVGas/KTTT-PVPower NT2/B4 dated April 06, 2010 with PetroVietnam Gas Joint Stock Corporation. Accordingly, the selling price of gas is negotiated according to the terms of this contract, as amended; and the Company has a responsibility of purchasing and paying for a minimum volume of gas during the terms of contract till the end of this contract on December 31, 2036.

29. CONTINGENT ASSETS AND LIABILITIES

According to Resolution No. 1944/NQ-DKVN dated April 02, 2018 of Vietnam Oil and Gas Group ("PVN") on the cessation of Resolution No. 1827/NQ-DKVN dated March 19, 2013 of Vietnam Oil and

PETROVIETNAM POWER NHON TRACH 2 JOINT STOCK COMPANYHamlet 3, Phuoc Khanh Commune, Nhon Trach District
Dong Nai Province, S.R Vietnam**Interim Financial Statements for the
2nd quarter of 2025****NOTES TO THE INTERIM FINANCIAL STATEMENTS (Continued)****FORM B 09a-DN**

These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying interim financial statements

Gas Group approving the accounting method for revenues/expenses related to delayed payments for electricity/gas bills. Accordingly, the Company is required to recognize interest income on late payments by Electric Power Trading Company ("EPTC") and the amount payable to PV GAS based on the late/overdue payment date in accordance with the provisions of the framework agreement and appendices signed between Petrovietnam Power Nhon Trach 2 Joint Stock Company and PV GAS (Gas Purchase Agreement) and between Petrovietnam Power Nhon Trach 2 Joint Stock Company and Electric Power Trading Company (Power Purchase Agreement). The Company has worked with Electric Power Trading Company ("EPTC"), PV GAS on the performance of the power/gas purchase agreement and is discussing with Vietnam Oil and Gas Group as well as the parent company - Petrovietnam Power Corporation on the specific method, on the validity of Resolution No. 1944/NQ-DKVN whether it can be applied to default interest on balances arising from previous years/periods or not to serve as a basis for accurate and complete accounting of penalty interest/ expenses, receivables/ payables related to late payment of electricity/gas bills in the upcoming period.

With respect to the inspection of compliance with the laws on tax at Petrovietnam Power Nhon Trach 2 Joint Stock Company according to Decision No. 1632/QĐ-TCT dated November 08, 2019 of the General Department of Taxation for the year ended December 31, 2018. With respect to some issues due to the nature of the industry related to the time of declaring value added tax on revenue from electricity sales and corresponding costs from the purchase of gas for electricity production, the Company is continuing to explain and make recommendations to the Inspection Team - General Department of Taxation and relevant authorities to draw a final conclusion on the inspection of tax law compliance at Nhon Trach 2 Petroleum Power Joint Stock Company. At the date of issuance of these financial statements, the Company has not received a final conclusion on the inspection of compliance with the laws on tax at Petrovietnam Power Nhon Trach 2 Joint Stock Company related to the time of declaring value added tax on revenue from electricity sales and corresponding costs from the purchase of gas for electricity production by the General Department of Taxation and relevant agencies, so there is no certain basis to recognize any adjustments in the financial statements for the accounting period ended June 30, 2025.

On August 18, 2022, the Company signed Appendix No. 16 ("Appendix No. 16") to the Power Purchase Agreement No. 07/2012/HD-NMD-NT2 dated July 06, 2012, regarding the adjustment of electricity selling prices according to the final investment cost of Nhon Trach 2 Power Plant with Electric Power Trading Company ("EPTC"), including provisions related to the adjustment of foreign exchange rates (base rate) in the Power Purchase Agreement No. 07 mentioned above. Accordingly, the additional revenue related to the exchange rate differences for 2019 and the exchange rate differences for the period from 2020 to 2021, totaling approximately VND 177 billion, as per Circular 07/2024/TT-BCT dated April 12, 2024 (supplementing Circular No. 57/2020/TT-BCT dated December 31, 2020) by the Ministry of Industry and Trade, which regulates the method for determining electricity prices, Power Purchase Agreements, and as per Appendix No. 16, will be recognized in future financial statements when an agreement is reached between the Company and Vietnam Electricity/ Electric Power Trading Company on the performance of the Power Purchase Agreement as per current regulations.

On November 09, 2021, the People's Committee of Nhon Trach District, Dong Nai Province issued Decision No. 4267/QĐ-UBND on the recovery of 116,482 m² of land from Petrovietnam Power Nhon Trach 2 Joint Stock Company for the implementation of the Nhon Trach 3 and Nhon Trach 4 Power Plant projects at Ong Keo Industrial Park, Phuoc Khanh Commune, Nhon Trach District, Dong Nai Province, with PetroVietnam Power Corporation as the investor. Accordingly, Petrovietnam Power Nhon Trach 2 Joint Stock Company is continuing to work with relevant parties and authorities to reach an agreement on the compensation for site clearance and other costs related to the recovered land area.

As at June 30, 2025, the Board of Management assesses that the Company has an obligation to clear, restore and return the site at the end of the lease term or the project termination term of the power plant. Currently, the Company has not estimated the value of this restoration obligation because it has not collected sufficient and reliable information on the possible costs and assessed the possible impacts related to the calculation

PETROVIETNAM POWER NHON TRACH 2 JOINT STOCK COMPANYHamlet 3, Phuoc Khanh Commune, Nhon Trach District
Dong Nai Province, S.R Vietnam**Interim Financial Statements for the
2nd quarter of 2025****NOTES TO THE INTERIM FINANCIAL STATEMENTS (Continued)****FORM B 09a-DN***These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying interim financial statements*

of electricity costs. Accordingly, the Company is working with the relevant authorities to obtain further guidance to obtain sufficient information necessary for the estimation.

As at June 30, 2025, under the Long-term Maintenance and Repair Contract for the Main Equipment of Nhon Trach 2 Combined Cycle Gas Turbine Power Plant, the Company will keep some spare parts owned by the contractor Siemens Energy Global GmbH to meet the maintenance needs of the plant. These materials will be settled after the end of the long-term repair contract signed with the Company.

30. RELATED PARTY TRANSACTIONS AND BALANCES

During the period, the Company entered into the following significant transactions with related parties:

	From January 01, 2025 to June 30, 2025	From January 01, 2024 to June 30, 2024
	VND	VND
Purchases		
PetroVietnam Gas Joint Stock Corporation	1,580,241,293,053	2,904,988,402,112
PetroVietnam Power Technical Services Joint Stock Company	10,150,838,421	29,997,919,257
PetroVietnam Nhon Trach Power Company	-	77,838,125
PetroVietnam ManPower Training College	120,000,000	-
Limited	750,506,400	-
PetroVietnam Oil and Gas Group	1,039,566,521	5,136,016,199
PetroVietnam Insurance Joint Stock Corporation	22,676,931,907	22,700,298,355
Financial income		
Commercial Bank	1,005	14,519
Dividend paid		
PetroVietnam Power Corporation	136,740,864,000	119,648,256,000

Related party significant balances at the balance sheet date were as follows:

	June 30, 2025	January 01, 2025
	VND	VND
Trade receivables		
PetroVietnam Gas Joint Stock Corporation	1,243,164,847,950	2,153,018,063,190
PetroVietnam Power Technical Services Joint Stock Company	5,059,802,536	6,606,186,471
Accrued expenses		
PetroVietnam Gas Joint Stock Corporation	978,304,839,954	1,116,609,913,314
PetroVietnam Power Technical Services Joint Stock Company	-	780,833,725
Other payables		
PetroVietnam Gas Joint Stock Corporation	39,278,284,374	39,278,284,374

Remuneration paid to the Company's Board of Directors, Board of Management, Chief Accountant and Board of Supervisors during the period was as follows:

PETROVIETNAM POWER NHON TRACH 2 JOINT STOCK COMPANYHamlet 3, Phuoc Khanh Commune, Nhon Trach District
Dong Nai Province, S.R Vietnam**Interim Financial Statements for the
2nd quarter of 2025****NOTES TO THE INTERIM FINANCIAL STATEMENTS (Continued)****FORM B 09a-DN***These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying interim financial statements*

	From January 01, 2025 to June 30, 2025	From January 01, 2024 to June 30, 2024
	VND	VND
<u>Board of Directors:</u>		
Mr. Uong Ngoc Hai	823,532,768	738,632,497
Mr. Luong Ngoc Anh	48,000,000	48,000,000
Mr. Ngo Duc Nhan	(*)	(*)
Mr. Nguyen Cong Dung	45,348,258	265,842,489
Ms. Phan Thi Thuy Lan	48,000,000	48,000,000
	964,881,026	1,100,474,986

(*) Presented in the income of the Board of Management as detailed below.

	From January 01, 2025 to June 30, 2025	From January 01, 2024 to June 30, 2024
	VND	VND
<u>Board of Management/ Chief Accountant:</u>		
Mr. Ngo Duc Nhan	818,597,040	733,094,002
Ms. Nguyen Thi Ha	729,027,321	673,384,384
Mr. Nguyen Van Quyen	629,421,811	567,862,114
Mr. Nguyen Trung Thu	668,719,084	632,528,950
Mr. Le Viet An	603,190,874	537,149,066
	3,448,956,130	3,144,018,516

Board of Supervisors:

Mr. Nguyen Huu Minh	619,198,533	576,673,738
Mr. Nguyen Van Ky	30,000,000	30,000,000
Ms. Phan Lan Anh	30,000,000	30,000,000
	679,198,533	636,673,738

Operating expenses of the Board of Directors and Board of Supervisors during the period are as follows:

PETROVIETNAM POWER NHON TRACH 2 JOINT STOCK COMPANYHamlet 3, Phuoc Khanh Commune, Nhon Trach District
Dong Nai Province, S.R Vietnam**Interim Financial Statements for the
2nd quarter of 2025****NOTES TO THE INTERIM FINANCIAL STATEMENTS (Continued)****FORM B 09a-DN***These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying interim financial statements*

	From January 01, 2025 to June 30, <u>2025</u> VND	From January 01, 2024 to June 30, <u>2024</u> VND
Operating expenses of the Board of Directors	81,661,039	59,485,111
Operating expenses of the Board of Supervisors	<u>33,866,813</u>	<u>26,919,556</u>

Le Van Tu
Preparer_____
Le Viet An
Chief Accountant_____
Ngo Duc Nhan
Director
July , 2025

CHỨNG NHẬN BẢN DỊCH

TRANSLATION CONFIRMATION

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH THUẬT CHUYÊN NGHIỆP SỐ 1

NO.1 TRANSLATION JOINT STOCK COMPANY

Căn cứ theo yêu cầu của Khách hàng,

Upon the request of the Customer,

NAY CHỨNG NHẬN:

DOES HEREBY CONFIRM:

Tài liệu trên được dịch từ tiếng Việt sang tiếng Anh bởi Ông (Bà) **Cao Thị Ngọc Diệp**, CCCD số 001300001867 do Cục quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 25/04/2021, cán bộ dịch thuật của Công Ty Cổ Phần Dịch Thuật Chuyên Nghiệp Số 1. Người dịch cam kết tài liệu đính kèm đã được dịch thuật chính xác và chịu hoàn toàn mọi trách nhiệm về bản dịch.

The above document has been translated from Vietnamese to English by Mr (Mrs.) Cao Thi Ngoc Diep, ID Card No 001300001867 Issued by Police department on Administrative Management of Social Order on 25/04/2021, staff member of No.1 Translation Joint Stock Company. The above-mentioned translator guarantees that the mentioned document has been accurately translated and commit to be fully responsible for the translation.

Tôi, **Lưu Bảo Trang** - Trưởng Đại Diện Văn Phòng Nguyễn Trãi tại TP.HCM, được Ban Giám Đốc ủy quyền ký tên, đóng dấu đối với nội dung bản dịch này.

I, Luu Bao Trang - Head of Ho Chi Minh City Representative Office Nguyen Trai, have been authorized by the Board of Management to sign and seal below on behalf of the Company for the content of the attached document.

Số chứng nhận/ Confirmation No: 333459/DTS1-CCCT

Ngày chứng nhận/ Date: 18/07/2025

THAY MẶT TỔNG GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG ĐẠI DIỆN VĂN PHÒNG NGUYỄN TRÃI TẠI TP.HCM

O/B CEO

HEAD OF HO CHI MINH CITY REPRESENTATIVE OFFICE NGUYEN TRAI

(Ký đóng dấu và ghi rõ họ tên)

(Signature and full name)



Lưu Bảo Trang

